



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ

5

Tháng 3 - 2011

HỘI THẢO ĐỀ ÁN HỖ TRỢ NÂNG CAO ĐIỀU KIỆN AN TOÀN NHÀ Ở TRONG KHU VỰC CÓ BÃO LŨ VÙNG BẮC TRUNG BỘ VÀ DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2011



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam phát biểu tại Hội thảo



Toàn cảnh Hội thảo

**THÔNG TIN
XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI HAI

5

SỐ 5 - 3/2011

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Chỉ thị số 01/CT-BXD của Bộ Xây dựng về thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24/2/2011 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội và Chương trình hành động của Bộ Xây dựng 5
- Quyết định số 214/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng ban hành Chương trình hành động về triển khai thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24/02/2011 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội 6
- Thông tư số 02/2011/TT-BXD của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định và công bố chỉ số giá xây dựng 12
- Quyết định số 212/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Bộ Xây dựng giai đoạn 2011-2015 13

Văn bản của địa phương

- Quyết định số 04/2011/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc Ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước đô thị và Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh 15
- Chỉ thị số 06/2011/CT-UBND của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp 16



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : 8.215.137 - 8.215.138

FAX : (04)9.741.709

Email: citc_bxd@hn.vnn.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

Ban biên tập:

THS.KTS.NGUYỄN HÙNG OANH

(Trưởng ban)

CN.BẠCH MINH TUẤN (Phó ban)

KS.HUYỀN PHƯỚC

CN.ĐÀO THỊ MINH TÂM

CN.BÙI THỊ QUỲNH ANH

CN.HOÀNG ĐẠI HẢI

CN.NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu đề tài:

+ Nghiên cứu đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy hệ cao đẳng chuyên ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp - Mã số RD-14-09 18

- Hội nghị thẩm định Quy hoạch chi tiết Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc 20

- Hội thảo Công nghệ xanh và tự động hóa trong công trình xây dựng - nhu cầu và giải pháp 21

- MASS - Bê tông thế hệ tương lai 22

- Tiêu chí xác định hộ gia đình có hai nhà ở - biện pháp chính sách quan trọng của Trung Quốc 24

- Nghiên cứu sự ảnh hưởng tương hỗ giữa thiên nhiên và đô thị ở thành phố matxcova 27

- Sinh thái học trong xây dựng, kiến trúc – ngành khoa học mới 30

Thông tin

- Công đoàn Cơ quan Bộ Xây dựng tổ chức Lễ kỷ niệm ngày Quốc tế phụ nữ 8-3 34

- Hội thảo Đề án hỗ trợ nâng cao điều kiện an toàn nhà ở trong khu vực có lũ, lụt tại các tỉnh Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung 38

- Hội thảo tham vấn và hỗ trợ kỹ thuật cho Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 40

- Mô hình phát triển khu chức năng nghỉ dưỡng của tỉnh Xa ma ra (Nga) 44

- Thiết kế cảnh quan đường vào thành phố



VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Chỉ thị số 01/CT-BXD của Bộ Xây dựng về thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24/2/2011 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội và Chương trình hành động của Bộ Xây dựng

Ngày 4/3/2011, Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã ban hành Chỉ thị số 01/CT-BXD về việc thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24/2/2011 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội. Tại Chỉ thị này, Bộ Xây dựng yêu cầu các đơn vị hành chính, sự nghiệp thuộc Bộ, các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước do Bộ Xây dựng quản lý thực hiện những công việc cấp bách sau: Phổ biến, quán triệt sâu sắc trong tập thể Lãnh đạo đơn vị, Tập đoàn, Tổng công ty và Lãnh đạo các đơn vị trực thuộc nội dung Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội. Căn cứ vào các nội dung của Nghị quyết nêu trên và Chương trình hành động của Bộ các đơn vị tự xây dựng Chương trình hành động của đơn vị mình để triển khai thực hiện, trong đó nêu rõ các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, tiến độ và thời gian hoàn thành.

Các đơn vị hành chính, sự nghiệp thuộc Bộ phải tiết kiệm trong chi tiêu hành chính, đảm bảo chi đúng tiêu chuẩn, đúng định mức, đúng mục đích, đồng thời chống thất thu và tận dụng khai thác các nguồn thu của đơn vị như thu dịch vụ, thu hoạt động sản xuất kinh doanh, thu phí, lệ phí; Giảm tối đa chi phí hội nghị, hội thảo, tổng kết, sơ kết, đi công tác trong và ngoài nước, chi phí tiếp khách, chi phí điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm, xăng dầu... Việc

tổ chức các hội nghị, hội thảo phải có nội dung thiết thực, mọi khoản chi phí hội nghị, hội thảo, tiếp khách... phải được Lãnh đạo đơn vị phê duyệt và bảo đảm đúng chế độ tiêu chuẩn chi theo quy định hiện hành, trong các hội nghị, hội thảo không được tổ chức ăn uống, liên hoan, quà tặng; Tạm dừng việc mua mới xe ô tô, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc bằng ngân sách nhà nước, việc sử dụng xe ô tô phải đúng mục đích, đúng đối tượng, cá nhân không được sử dụng xe ô tô của công vào việc riêng; Yêu cầu các đơn vị chủ động tự rà soát tất cả các khoản chi tiêu hành chính và lập kế hoạch tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên của 9 tháng còn lại của đơn vị trong năm 2011.

Đối với các đơn vị được Bộ giao làm chủ đầu tư các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước: chưa khởi công các công trình, dự án mới trong năm 2011, chủ động rà soát lại mục tiêu, quy mô và hiệu quả đầu tư của dự án đã được Bộ giao làm chủ đầu tư, khẩn trương hoàn thành các công việc chuẩn bị thực hiện dự án đang triển khai dở dang và hoàn thiện các thủ tục pháp lý cần thiết để khi có điều kiện có thể khởi công được ngay; tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân vốn đầu tư đã bố trí cho các dự án hoàn thành, dự án chuyển tiếp trong năm 2011, chủ động rà soát tiến độ, khối lượng thực hiện, nếu không đủ điều kiện để giải ngân hết trong năm thì phải báo cáo để Bộ cắt giảm hoặc điều chuyển vốn cho các dự án có tiến độ thực

hiện nhanh, hoàn thành trong năm 2011. Vốn đã bố trí cho các dự án này sẽ không được kéo dài thời gian thực hiện sang kế hoạch năm 2012.

Đối với các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước: Bộ Xây dựng yêu cầu kiểm tra, rà soát lại danh mục, hiệu quả các dự án đầu tư của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên trong Tập đoàn, Tổng công ty, không đầu tư dàn trải, kiên quyết loại bỏ các dự án đầu tư kém hiệu quả, kể các các dự án đầu tư ra nước ngoài; Rà soát, điều chỉnh kế hoạch đầu tư các dự án cho phù hợp với khả năng huy động vốn, nhất là các dự án trong lĩnh vực bất động sản, đình hoãn, giãn tiến độ các dự án chưa cấp bách và không ảnh hưởng nhiều đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, chỉ khởi công các dự án mới đã rõ hiệu quả và bảo đảm được nguồn vốn để triển khai thực hiện; Thực hiện đồng bộ các giải pháp để thúc đẩy sản xuất, tích cực tham gia vào việc bình ổn thị trường vật liệu xây dựng

nhất là đối với các mặt hàng thiết yếu như xi măng, sắt, thép xây dựng... kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất, đổi mới quản trị doanh nghiệp, nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới, tiết kiệm năng lượng để nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, tiếp tục thực hiện cổ phần hóa theo lộ trình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Hạn chế tối đa việc nhập khẩu, sử dụng các loại hàng hoá, vật liệu, vật tư, thiết bị, máy móc trong nước đã sản xuất được, đáp ứng yêu cầu chất lượng; Thực hiện nghiêm túc các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; giảm tối đa các chi phí quản lý.

Bộ Xây dựng yêu cầu các đơn vị triển khai thực hiện nghiêm túc các nội dung nêu trên, định kỳ báo cáo Bộ trưởng kết quả thực hiện bằng văn bản đồng thời gửi về Vụ Kế hoạch Tài chính trước ngày 08 và 22 hàng tháng để tổng hợp.

(Xem toàn văn tại: www.moc.gov.vn)

**Quyết định số 214/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng
ban hành Chương trình hành động về triển khai
thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24/02/2011
của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu tập trung
kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo
an sinh xã hội**

Ngày 4/3/2011, Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã có Quyết định số 214/QĐ-BXD ban hành Chương trình hành động của Bộ Xây dựng thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24/02/2011

của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu tập trung kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội. Nội dung cụ thể của Chương trình hành động như sau:

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
I	Tập trung kiểm chế lạm phát, Thực hiện chính sách tiền tệ chặt chẽ, thận trọng			

1	Tiếp tục duy trì hoạt động của Tổ th- òng trực theo dõi thị tr- òng VLXD và BĐS, th- òng xuyên cập nhật thông tin, báo cáo hàng tháng tình hình biến động giá VLXD tại các địa ph- òng và đề xuất biện pháp xử lý.	Tổ th- òng trực	Các Cục, Vụ và đơn vị có liên quan	Nhiệm vụ th- òng xuyên
2	Rà soát tình hình thực hiện các dự án đầu t- và năng lực của các nhà máy sản xuất xi măng, vật liệu xây dựng; thực hiện các giải pháp nhằm đảm bảo cân đối cung – cầu, đáp ứng nhu cầu của thị tr- òng xây dựng, đặc biệt là xi măng.	Vụ VLXD	Vụ KHTC	2011
3	Chỉ đạo các doanh nghiệp sản xuất VLXD thuộc Bộ tập trung kiểm tra, kiểm soát các chi phí đầu vào, chủ động về nguồn cung cấp nguyên, nhiên vật liệu để ổn định sản xuất; tiết kiệm và giảm tối đa các chi phí trung gian để giảm giá thành, tích cực tham gia vào việc bình ổn thị tr- òng, không tăng giá bất hợp lý; t ổ chức tốt, hiệu quả và kiểm soát chặt chẽ hệ thống phân phối để ngăn chặn tình trạng đầu cơ; thực hiện công khai, minh bạch giá bán và tỷ lệ chiết khấu cho các đại lý, nhất là đối với xi măng.	Vụ KHTC	Vụ VLXD	2011
4	Công bố chỉ số giá xây dựng hàng quý phục vụ cho công tác quản lý chi phí đầu t- xây dựng đặc biệt là phục vụ cho công tác thanh toán các hợp đồng xây dựng, tạo sự minh bạch về giá cả xây dựng trên thị tr- òng	Vụ KTXD	Viện KTXD và các đơn vị liên quan	Hàng quý
5	Chỉ đạo các đơn vị doanh ngh iệp thuộc Bộ thực hiện nghiêm túc quy định về quản lý ngoại tệ, bán ngoại tệ cho ngân hàng khi có nguồn thu	Vụ KHTC	Vụ TCCB, Ban ĐM&PTDN	Nhiệm vụ th- òng xuyên
II Thực hiện chính sách tài khoá thắt chặt, cắt giảm đầu t- công, giảm bội chi ngân sách nhà n- ó c				
1	Các đơn vị hành chính, sự nghiệp tự rà soát, chủ động sắp xếp lại các nhiệm vụ chi tiêu hành chính và lập kế hoạch tiết kiệm thêm 10% chi th- òng xuyên của 9 tháng còn lại của đơn vị trong năm 2011 (các khoản tiết kiệm không bao gồm tiền l- ơng và cá c khoản có tính chất theo l- ơng, các khoản trợ cấp khó khăn theo chế độ chính sách cho con ng- òi), báo cáo kết quả về Bộ	Các đơn vị HC, SN thuộc Bộ	Vụ Kế hoạch Tài chính	20/3/2011
2	Thực hiện các biện pháp tiết kiệm, giảm tối đa các chi phí hành chính, hội nghị, hội thảo... để góp phần kiềm chế lạm phát	Các đơn vị HC, SN thuộc Bộ		2011
3	Chỉ đạo các đơn vị tạm dừng trang bị mới xe ô tô; mua sắm trang thiết bị, ph- òng tiện làm việc bằng nguồn ngân sách nhà n- óc. Tổ chức kiểm tr a, giám sát việc thực hiện	Vụ KHTC	Vụ TCCB, Thanh tra Xây dựng	Tháng 3/2011

4	Tạm dừng, ch- a khởi công các công trình, dự án mới sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà n- ớc, trái phiếu chính phủ trong năm 2011; rà soát lại mục tiêu, quy mô và hiệu quả đầu t- của dự án đã đ- ợc Bộ giao cho đơn vị làm chủ đầu t- ; tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân vốn đầu t- đối với các dự án hoàn thành, dự án chuyển tiếp trong năm 2011; chủ động rà soát tiến độ, khối l- ợng thực hiện, báo cáo để Bộ cắt giảm hoặc điều chuyển vốn của các dự án chậm tiến độ để tập trung vốn cho các dự án có tiến độ thực hiện nhanh và hoàn thành trong năm 2011;	Các đơn vị đ- ợc giao làm chủ đầu t- dự án	Vụ KHTC	20/3/2011
5	Tự kiểm tra, rà soát lại danh mục, kế hoạch đầu t- , hiệu quả các dự án đầu t- của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên trong Tập đoàn, Tổng công ty, loại bỏ các dự án đầu t- kém hiệu quả, kể cả các dự án đầu t- ra n- ớc ngoài; đình hoãn, giãn tiến độ các dự án đầu t- theo h- ớng tập trung cho các lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, báo cáo Thủ t- ớng Chính phủ	Các Tập đoàn, TCty nhà n- ớc thuộc Bộ	Vụ KHTC	Tháng 4/2011
6	Thành lập các đoàn kiểm tra, rà soát các dự án đầu t- sử dụng vốn ngân sách do Bộ Xây dựng qu ản lý, các dự án đầu t- của các doanh nghiệp thuộc Bộ; tổng hợp danh mục các dự án cắt giảm đầu t- trong năm 2011 của các đơn vị, doanh nghiệp thuộc Bộ báo cáo Thủ t- ớng Chính phủ.	Vụ KHTC	Vụ TCCB, Ban ĐMPTDN, các đơn vị liên quan	Tháng 4/2011
7	Rà soát danh mục, kiểm tra tình hình thực hiện các dự án sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khoa học và môi tr- ờng, các dự án quy hoạch trong kế hoạch năm 2011; lập danh mục các dự án có thể hoãn, giãn tiến độ hoặc chuyển sang thực hiện trong năm 2012, báo cáo Lãnh đạo Bộ.	Vụ KHTC	Vụ KHCN, Vụ KTQH và các đơn vị liên quan	Tháng 4/2011
III Thúc đẩy sản xuất kinh doanh, khuyến khích xuất khẩu, kiểm chế nhập siêu, sự dụng tiết kiệm năng l- ợng				
1	Tiếp tục đẩy mạnh cải cách, đơn giản hoá các thủ tục hành chính, tạo điều k iện thông thoáng cho các doanh nghiệp đẩy mạnh sản xuất kinh doanh và đầu t- phát triển	Tổ Đề án 30 VP Bộ	Các đơn vị liên quan	Năm 2011
2	Thực hiện đồng bộ các giải pháp để thúc đẩy sản xuất, tích cực tham gia vào việc bình ổn thị tr- ờng vật liệu xây dựng nhất là đối với các mặt hàng thiết yếu nh- xi măng, sắt, thép xây dựng... kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất, đổi mới quản trị doanh nghiệp, ứng dụng công nghệ mới tiết kiệm năng l- ợng để nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp; tiếp tục thực hiện c ổ phần hoá theo lộ trình đã đ- ợc Thủ t- ớng Chính phủ phê duyệt ;	Các Tập đoàn, TCty nhà n- ớc thuộc Bộ	Vụ KHTC, Vụ VLXD, Ban ĐM&PTDN, Vụ TCCB	Nhiệm vụ th- ờng xuyên

3	Chỉ đạo các đơn vị hạn chế tối đa việc nhập khẩu, sử dụng các loại hàng hoá, vật liệu, vật tư, thiết bị, máy móc trong nước đã sản xuất được, đáp ứng yêu cầu chất lượng; thực hiện nghiêm túc các quy định về tiết kiệm, chống lãng phí	Vụ VLXD	Vụ KHTC, Thanh tra Xây dựng	
4	Tiếp tục rà soát, ban hành Danh mục các sản phẩm vật liệu xây dựng, thiết bị xây dựng trong nước đã sản xuất được, đáp ứng yêu cầu chất lượng, thay thế hàng nhập khẩu và được ưu tiên sử dụng trong các dự án công trình sử dụng nguồn vốn ngân sách, trái phiếu Chính phủ; thực hiện việc kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện công tác quản lý chất lượng sản phẩm VLXD tại các cảng nhập.	Vụ VLXD	Vụ KHCN, Thanh tra Xây dựng	2011
5	Tiếp tục nghiên cứu, ban hành các hàng rào kỹ thuật để quản lý chất lượng hàng nhập khẩu; tổ chức kiểm tra, giám sát xuất xứ hàng hoá, tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn để đảm bảo chất lượng hàng nhập khẩu cũng như hạn chế nhập khẩu các sản phẩm VLXD trong nước đã sản xuất được	Vụ KHCN	Vụ VLXD, Thanh tra xây dựng	
6	Rà soát, lập danh mục các dự án sản xuất xi măng cần đầu tư hệ thống tận thu nhiệt thừa để phát điện phục vụ sản xuất; chỉ đạo các doanh nghiệp tổ chức triển khai thực hiện, phấn đấu đến năm 2015 các nhà máy xi măng tự túc được 20% điện năng cho sản xuất	Vụ VLXD	Viện VLXD, Vụ KHTC và các đơn vị liên quan	
7	Hướng dẫn các Bộ, Ngành và các địa phương, các chủ đầu tư về xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong việc điều chỉnh hợp đồng, thanh quyết toán do biến động giá và các dự án phải tạm ngừng, đình hoãn, giãn tiến độ	Vụ KTXD	Viện KTXD	Thường xuyên
8	Ban hành kịp thời các văn bản hướng dẫn về quản lý đầu tư xây dựng, đề xuất các giải pháp để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng	Các Cục, Vụ theo chức năng nhiệm vụ được giao		Năm 2011
9	Chỉ đạo các doanh nghiệp thuộc Bộ tăng cường công tác tìm kiếm, mở rộng thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm vật liệu xây dựng;	Vụ KHTC	Các Cục, Vụ và đơn vị có liên quan	Nhiệm vụ thường xuyên
10	Xây dựng và thực hiện Chương trình tiết kiệm điện tại Văn phòng cơ quan Bộ Xây dựng	Văn phòng Bộ	Các Cục, Vụ và đơn vị có liên quan	

1	Tiếp tục chỉ đạo, tổ chức triển khai Ch-ong trình xây dựng ký túc xá cho sinh viên	Cục QLN&T TBĐS	Bộ TC, Bộ KH&ĐT và các Cục, Vụ và đơn vị có liên quan	
1.1	<i>Tổ chức kiểm tra, rà soát tình hình thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn năm 2010, 2011 của các dự án. Lập danh mục các dự án hoãn, giãn tiến độ, dừng khởi công trong năm 2011; tổng hợp, báo cáo Thủ t-ớng Chính phủ ph-ong án thu hồi, điều chuyển vốn của các dự án chậm tiến độ để tập trung bố trí cho các dự án triển khai nhanh, có khả năng hoàn thành trong năm 2011</i>			Tháng 4/2011
1.2	<i>Thành lập các Đoàn kiểm tra đôn đốc để các địa ph-ong, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chỉ đạo các đơn vị đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, sớm hoàn thành các dự án, hạng mục công trình đã khởi công và đ-ợc bố trí đủ vốn trong năm 2011.</i>			Năm 2011
2	Tiếp tục triển khai Ch-ong trình đầu t- xây dựng nhà ở cho công nhân lao động tại các khu công nghiệp thuê, Ch-ong trình đầu t- xây dựng nhà ở cho ng-ời thu n hập thấp tại khu vực đô thị	Cục QLN&T TBĐS	Bộ Tài Chính, Bộ Kế hoạch và ĐT và các địa ph-ong liên quan	
2.1	<i>Phối hợp với các Bộ, Ngành liên quan h-ớng dẫn, đôn đốc và tháo gỡ các khó khăn, v-ớng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các dự án đầu t- xây dựng nhà ở cho công nhân thuê, nhà ở cho ng-ời có thu nhập thấp:</i>			Nhiệm vụ th-ờng xuyên
2.2	<i>Tổ chức hội thảo xúc tiến đầu t- xây dựng nhà ở cho công nhân thuê, nhà ở cho ng-ời có thu nhập thấp tại các địa ph-ong trọng điểm.</i>			Quý III năm 2011
2.3	<i>Tổ chức Đoàn công tác liên ngành đôn đốc, kiểm tra đầu t- xây dựng nhà ở cho công nhân thuê, nhà ở cho ng-ời có thu nhập thấp tại các địa ph-ong trọng điểm</i>			Quý III/2011
2.4	<i>Ban hành, hoàn thiện các quy định về chất l-ợng nhà ở và điều kiện sinh hoạt; tăng c-ờng công tác quản lý, kiểm tra đối với nhà ở của t- nhân cho công nhân thuê</i>			Năm 2011
3	Tiếp tục triển khai Ch-ong trình xây dựng cụm, tuyến dân c- và nhà ở vùng ngập lũ đồng bằng Sông Cửu Long giai đoạn 2; hoàn thành cơ bản tôn nền và đắp bờ bao các dự án cụm, tuyến dân c-; phối hợp với các Bộ, ngành liên quan trình Thủ t-ớng Chính phủ cấp đủ vốn NS Trung -ong cho các địa ph-ong thực hiện	Cục QLN&T TBĐS	Các Bộ, Ngành và địa ph-ong có liên quan	Tháng 12/2011

4	Ch-ong trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định 167/2008/QĐ-TTg ngày 12/12/2008 của Thủ t-ớng CP:	Cục QLN&T TBĐS	Các Bộ, Ngành và địa ph-ong có liên quan	Tháng 12/2011
4.1	<i>Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các địa ph-ong thực hiện, đảm bảo cơ bản hoàn thành Ch-ong trình trong năm 2011</i>			
4.2	<i>Phối hợp với các Bộ, Ngành liên quan trình Thủ t-ớng Chính phủ cấp đủ vốn ngân sách Trung - ong hỗ trợ cho các hội nghèo và cấp cho Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay theo quy định</i>			
5	Nghiên cứu, xây dựng Đề án Hỗ trợ nâng cao điều kiện an toàn nhà ở cho các khu vực th-ờng xuyên có lũ lụt tại các tỉnh Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	Cục QLN&T TBĐS	Bộ NN&PTNT, KH&ĐT, TC, Ngân hàng CSXH, UBND các tỉnh miền Trung	Tháng 4/2011
6	Nghiên cứu, xây dựng đề án Hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo chuẩn nghèo mới giai i đoạn 2011-2015	Cục QLN&T TBĐS	Bộ LĐTB&XH, Bộ KH&ĐT, Bộ TC, Ngân hàng CSXH, và UBND các tỉnh thành phố	Quý IV/2011
7	Nghiên cứu các mẫu thiết kế nhà ở điển hình, các công trình hạ tầng xã hội cho các xã trong khu vực th-ờng xuyên bị ảnh h-ởng thiên tai	Viện KTQHĐ T&NT	Các Cục, Vụ và đơn vị có liên quan	Tháng 12/2011

VI Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền

Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu rộng các nội dung và tinh thần Nghị quyết số 11/NQ -CP ngày 24/02/2011 của Chính phủ để thống nhất nhận thức, thực hiện nghiêm túc, triệt để các giải pháp Chính phủ đề ra; tiếp tục phát động, đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động “*Ng-ời Việt Nam - u tiên dùng hàng Việt Nam*” trong toàn ngành Xây dựng

Báo XD,
Tạp chí
XD

Các Cục, Vụ
và đơn vị
thuộc Bộ, các
hiệp hội, hội
nghề nghiệp

VII Về tổ chức thực hiện

Theo chức năng, nhiệm vụ đ-ợc giao, các Cục, Vụ và đơn vị thuộc Bộ xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện, định kỳ báo cáo kết quả, tình hình thực hiện về Vụ Kế hoạch Tài chính để tổng hợp, báo cáo Bộ tr-ởng

Các Cục,
Vụ, đơn
vị thuộc
Bộ

Tr-ớc
ngày 22
hàng
tháng

(Xem toàn văn tại: www.moc.gov.vn)

Thông tư số 02/2011/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và công bố chỉ số giá xây dựng

Ngày 22/2/2011 Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 02/2011/TT-BXD hướng dẫn xác định và công bố chỉ số giá xây dựng để: Lập và điều chỉnh tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng công trình, dự toán gói thầu và giá dự thầu, điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng và quy đổi chi phí đầu tư xây dựng công trình; Xây dựng và công bố các chỉ số giá xây dựng theo định kỳ trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình. Thông tư này áp dụng cho các đối tượng là tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình tại các dự án sử dụng 30% vốn nhà nước trở lên; Khuyến khích các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình sử dụng ít hơn 30% vốn nhà nước và các nguồn vốn khác áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư này.

Thông tư quy định các chỉ số giá xây dựng được xác định theo công trình, loại công trình xây dựng bao gồm: Chỉ số giá xây dựng công trình; Các chỉ số giá theo cơ cấu chi phí như giá phần xây dựng, giá phần thiết bị, giá phần chi phí khác; Các chỉ số giá theo yếu tố chi phí như giá vật liệu xây dựng công trình, giá nhân công xây dựng công trình, giá máy thi công xây dựng công trình; Các chỉ số giá theo loại yếu tố đầu vào như giá theo vật liệu xây dựng chủ yếu, giá theo loại nhân công xây dựng chủ yếu, giá theo nhóm máy thi công xây dựng chủ yếu. Đối với công trình xây dựng cụ thể, việc tính toán toàn bộ hay một số các chỉ số giá tùy thuộc vào mục đích, yêu cầu cụ thể trong công tác quản lý chi phí và giai đoạn đầu tư xây dựng công trình.

Việc xác định chỉ số giá xây dựng phải đảm bảo các nguyên tắc: Phản ánh khách quan và phù hợp với sự biến động về giá cả trên thị trường xây dựng tại các địa phương; Kịp thời, phù hợp với quy định về quản lý chi phí đầu tư

xây dựng công trình; Lựa chọn được danh mục và số lượng công trình đại diện nhất định để tính toán; Chỉ số giá xây dựng được tính bình quân trong khoảng thời gian được lựa chọn, không tính đến một số khoản chi phí về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, lãi vay trong thời gian xây dựng, vốn lưu động ban đầu cho sản xuất kinh doanh. Đơn vị tính chỉ số giá xây dựng là phần trăm; Cơ cấu chi phí được sử dụng để tính toán chỉ số giá xây dựng phải phù hợp với cơ cấu chi phí theo quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, các cơ cấu chi phí này phải được tổng hợp từ các số liệu thống kê và được sử dụng cố định trong khoảng thời gian tối đa là 5 năm.

Sở XD các tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc thu thập số liệu, tính toán và định kỳ công bố chỉ số giá xây dựng để làm cơ sở cho việc lập và quản lý chi phí của các công trình xây dựng trên địa bàn. Đối với các công trình chưa có trong danh mục chỉ số giá xây dựng do Bộ Xây dựng hoặc các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương công bố thì chủ đầu tư tổ chức xác định các chỉ số giá cho công trình và quyết định việc áp dụng. Riêng đối với chỉ số giá xây dựng áp dụng để điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng thì phải có ý kiến thỏa thuận của Sở XD địa phương trước khi áp dụng. Đối với công trình xây dựng theo tuyến đi qua địa bàn thuộc nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì chủ đầu tư tổ chức xác định chỉ số giá xây dựng cho công trình và quyết định việc áp dụng sau khi có ý kiến thỏa thuận của Bộ Xây dựng. Việc phân chia khu vực để tính chỉ số giá xây dựng do các tỉnh, thành phố quyết định tùy theo đặc điểm về địa giới hành chính và đặc điểm thị trường xây dựng tại địa phương.

Kinh phí cho việc thu thập số liệu, tính toán xác định và công bố các chỉ số giá xây dựng

trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được cân đối, bố trí từ nguồn ngân sách hàng năm của địa phương. Sở XD căn cứ số lượng chỉ số giá cần được công bố, số lần công bố trong năm để lập dự toán kinh phí báo cáo UBND cấp tỉnh xem xét, bố trí kinh phí thực hiện. Trường hợp chủ đầu tư tự tổ chức xác định chỉ số giá xây dựng để áp dụng thì chi phí thực hiện công việc này được tính vào khoản mục chi phí khác trong tổng mức đầu tư của dự án.

Thời điểm công bố chỉ số giá xây dựng được quy định như sau: Đối với các chỉ số giá xây

dựng được công bố theo tháng việc công bố được thực hiện vào tuần thứ hai của tháng sau; Đối với các chỉ số giá xây dựng được công bố theo quý việc công bố được thực hiện vào tuần thứ hai của tháng đầu quý sau; Đối với các chỉ số giá xây dựng được công bố theo năm việc công bố được thực hiện vào tuần thứ ba của tháng đầu năm sau.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15/4/2011.

(Xem toàn văn tại: www.moc.vn)

Quyết định số 212/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Bộ Xây dựng giai đoạn 2011-2015

Ngày 2/3/2011 Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định số 212/QĐ-BXD phê duyệt Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Bộ Xây dựng giai đoạn 2011-2015.

Mục tiêu tổng quát của kế hoạch đến năm 2015 nhằm:

- Xây dựng các hệ thống thông tin điện tử, tạo môi trường làm việc hiệu quả, đáp ứng các yêu cầu về quản lý, chỉ đạo, điều hành, tác nghiệp, từng bước xây dựng Chính phủ điện tử tại cơ quan Bộ Xây dựng;

- Cung cấp thông tin về các mặt hoạt động của Bộ Xây dựng nói riêng và của Ngành Xây dựng nói chung cho người dân và doanh nghiệp ngày một tốt hơn;

- Tăng cường sự hợp tác giữa Bộ Xây dựng với các Bộ, ngành, UBND tỉnh/thành phố, các Sở Xây dựng, các tổ chức, cá nhân thông qua hệ thống thông tin điện tử.

Mục tiêu cụ thể đến năm 2015: ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan Bộ Xây dựng: 80% các văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa Bộ Xây dựng với các cơ quan nhà nước được trao

đổi hoàn toàn dưới dạng điện tử; 100% cán bộ, công chức, viên chức sử dụng hệ thống thư điện tử trong công việc; Từng bước chia sẻ các thông tin hành chính thiết yếu giữa Bộ Xây dựng với các cơ quan nhà nước nhằm giảm tối thiểu các thông tin yêu cầu từ người dân và doanh nghiệp; Bảo đảm 100% các cuộc họp của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ với Bộ Xây dựng và của Bộ Xây dựng với các sở chuyên ngành Xây dựng tại các UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thể được thực hiện trên môi trường mạng; Bảo đảm an toàn dữ liệu điện tử phục vụ các hoạt động chuyên môn theo chức năng quản lý nhà nước của các đơn vị khối cơ quan Bộ;

Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp: 100% Thông tin điều hành quản lý của Bộ và 100% các dịch vụ công trực tuyến (ở mức độ 2 trở lên) thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Xây dựng được công bố trên cổng TTĐT của Bộ Xây dựng;

Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Bộ Xây dựng trên quy mô quốc gia: Kết

nối mạng Bộ Xây dựng vào mạng truyền dẫn tốc độ cao, an toàn, bảo mật của Đảng và Nhà nước; Sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số và xác thực quốc gia cho hồ sơ, văn bản khi kết nối, truyền trên mạng diện rộng của Đảng và Nhà nước; Bảo đảm kỹ thuật và công nghệ về hạ tầng CNTT khi kết nối hệ thống thông tin của Bộ Xây dựng vào mạng Quốc gia theo mô hình thống nhất.

Xây dựng và nâng cấp hạ tầng CNTT - truyền thông cơ quan Bộ Xây dựng. Trong 3 năm 2011-2013, đầu tư trang bị mới 200 máy vi tính (thay thế số máy tính hết khấu hao) và 70 máy in (thay thế các máy in đã hết khấu hao); trang bị 25 máy tính xách tay cho cán bộ cấp Vụ trưởng trở lên; nâng cấp, mở rộng hạ tầng kỹ thuật CNTT và thay thế một số máy chủ đã hết khấu hao; thuê bao mở rộng băng thông cho cổng truy cập ra Internet. Phối hợp với Trung tâm ứng cứu khẩn cấp máy tính Việt Nam (Bộ Thông tin và Truyền thông) trong việc xây dựng các giải pháp an toàn, phòng chống tin tặc và thảm họa CNTT; Cài đặt các thiết bị và phần mềm chống Virus, tin tặc, thư rác; cài đặt các bản vá lỗi cho các phần mềm hệ thống.

Trên cơ sở Nghị định số 17/2008/NĐ-CP ngày 4/2/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng, trong giai đoạn 2011-2015, Bộ Xây dựng sẽ triển khai các dự án trọng điểm về: Hệ thống tư điện tử Bộ Xây dựng; Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; Phát triển hệ thống quản lý thông tin tổng thể; Hệ thống thông tin thống kê về xây dựng; Hệ thống thông tin quản lý khiếu nại, tố cáo và công tác thanh tra xây dựng; Hệ thống thông tin quản lý cán bộ, công chức, viên chức; Hệ thống thông tin quản lý Quy hoạch xây dựng; Hệ thống thông tin về xây dựng và phát triển đô thị; Hệ thống thông tin về Hạ tầng kỹ thuật đô thị; Hệ thống thông tin quản lý công tác phát triển nhà ở và

công sở; Hệ thống thông tin quản lý về thị trường bất động sản và hoạt động kinh doanh bất động sản; Hệ thống thông tin quản lý công nghiệp vật liệu xây dựng; Hệ thống thông tin quản lý tài chính xây dựng; Hệ thống thông tin quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Hệ thống thông tin quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng; Hệ thống thông tin quản lý doanh nghiệp hoạt động xây dựng; Hệ thống thông tin quản lý chất lượng công trình xây dựng; Hệ thống thông tin quản lý khoa học công nghệ xây dựng.

Công tác đào tạo CNTT cho các cán bộ, công chức, viên chức cơ quan Bộ Xây dựng để đảm bảo có đủ trình độ, năng lực làm chủ công nghệ hiện đại đáp ứng yêu cầu ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan Bộ Xây dựng. Giai đoạn 2011-2015 tập trung thực hiện các nội dung sau: Đào tạo cán bộ quản trị mạng, quản trị hệ thống : Mỗi năm đào tạo 30-40% số cán bộ chuyên trách, để đến năm 2014, 100% số cán bộ phụ trách (chuyên trách) CNTT tại cơ quan Bộ đã được đào tạo về CNTT; Đào tạo kiến thức và kỹ năng về an ninh, an toàn, bảo mật, chống tin tặc và sao lưu số liệu; Đào tạo về quản lý dự án CNTT, phân tích và thiết kế hệ thống thông tin theo chương trình khung do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định; Tổ chức tuyên truyền rộng rãi nhằm nâng cao hiểu biết, nhận thức về các lợi ích trong việc ứng dụng CNTT và xây dựng Chính phủ điện tử cho cán bộ, công chức, viên chức cơ quan Bộ Xây dựng.

Kinh phí cho các dự án của Kế hoạch sẽ được xác định cụ thể khi các dự án thành phần được lập và phê duyệt theo quy định hiện hành về quản lý ngân sách nhà nước trong quá trình triển khai Kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: www.moc.gov.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG**Quyết định số 04/2011/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc Ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước đô thị và Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh**

Ngày 22/2/2011 UBND tỉnh Bình Định đã ra Quyết định số 04/2011/QĐ-UBND về việc Ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước đô thị và Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Quy định này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân và hộ gia đình có hoạt động liên quan đến thoát nước trên địa bàn tỉnh. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến thoát nước trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Theo Quy định này nước thải từ hệ thống thoát nước đô thị, khu công nghiệp, từ các hộ thoát nước đơn lẻ xả ra nguồn tiếp nhận phải bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 14:2008/BTNMT về nước thải sinh hoạt, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 24:2009/BTNMT về nước thải công nghiệp do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành. Nước thải từ các hộ thoát nước (hộ gia đình, cơ quan hành chính sự nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ) xả vào hệ thống thoát nước đô thị, khu công nghiệp phải bảo đảm các quy chuẩn nước thải xả vào hệ thống thoát nước do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

Sự kết hợp giữa công trình thoát nước với các công trình hạ tầng kỹ thuật khác dựa trên nguyên tắc: Các đồ án quy hoạch, dự án đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật khác (giao thông, thủy lợi,...) phải bảo đảm tính đồng bộ với hệ thống thoát nước đô thị và khu công nghiệp có liên quan; Việc quy hoạch, đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước phải kết hợp với

các công trình hạ tầng khác. Đối với các khu công nghiệp, đô thị mới hình thành phải quy hoạch, xây dựng hệ thống thoát nước mưa, nước thải riêng; Khi cải tạo, mở rộng, xây dựng mới các công trình hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là công trình giao thông có liên quan đến hệ thống thoát nước đô thị và khu công nghiệp, chủ đầu tư phải có phương án đảm bảo an toàn cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật đã có trước, bảo đảm thoát nước bình thường và có nghĩa vụ cải tạo, phục hồi hoặc xây dựng mới đồng bộ các hạng mục công trình thoát nước có liên quan, đảm bảo vệ sinh môi trường trong và sau khi cải tạo, xây dựng; Cơ quan quản lý nhà nước về thoát nước tại địa phương, đơn vị thoát nước được giao quản lý, vận hành hệ thống thoát nước trên địa bàn có quyền và nghĩa vụ tham gia giám sát quá trình xây dựng các hạng mục công trình thoát nước của các dự án đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật có liên quan. Đơn vị thoát nước có quyền từ chối nhận bàn giao công trình thoát nước nếu chất lượng xây dựng không bảo đảm theo quy định.

UBND các huyện, thành phố là chủ sở hữu công trình thoát nước trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý. Các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới sở hữu, quản lý, vận hành hệ thống thoát nước trên địa bàn do mình quản lý đến khi bàn giao theo quy định. Các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu công trình thoát nước do mình bỏ vốn đầu tư đến khi bàn giao cho UBND các huyện, thành phố (nếu có quy định trong giấy phép đầu tư, giấy chứng

nhận đầu tư). Ban Quản lý Khu kinh tế là chủ sở hữu các công trình thoát nước của khu, cụm công nghiệp được đầu tư từ nguồn vốn có nguồn gốc ngân sách do mình quản lý.

Các dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước và các dự án khác có hệ thống thoát nước đi kèm sử dụng vốn có nguồn gốc từ ngân sách, khi đầu tư xây dựng hoàn thành, chủ đầu tư có trách nhiệm bàn giao cho chủ sở hữu và đơn vị thoát nước trên địa bàn để tổ chức quản lý và vận hành. Thời gian bàn giao chậm nhất là sau 12 tháng kể từ ngày hết thời gian bảo hành của công trình. Các chủ đầu tư xây dựng công trình có hệ thống thoát nước đã đầu tư xây dựng hoàn thành mà chưa bàn giao cho đơn vị thoát nước thì phải chịu trách nhiệm quản lý vận hành.

Quy định này cũng đưa ra quy định về thỏa thuận đấu nối giữa đơn vị thoát nước và hệ thống thoát nước về vị trí đấu nối, các yêu cầu kỹ thuật của điểm đấu nối, thời điểm đấu nối, chất lượng, lưu lượng nước xả vào điểm đấu nối. Đơn vị thoát nước phải thiết lập các điểm đấu nối cho hệ thống thoát nước vào mạng lưới thu gom nước của hệ thống thoát nước. Tất cả các hệ thống thoát nước nằm trong khu vực có dịch vụ thoát nước được yêu cầu và có nghĩa vụ đấu nối vào mạng

lưới thu gom nước của hệ thống thoát nước trừ trường hợp gần nguồn tiếp nhận mà chất lượng nước thải đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường hoặc tại địa bàn chưa có mạng lưới thu gom của hệ thống thoát nước tập trung. Hệ thống thoát nước muốn được miễn trừ đấu nối để xả trực tiếp ra môi trường phải làm đơn gửi cơ quan quản lý nhà nước về môi trường tại địa phương. Vị trí điểm đấu nối được xác định nằm trên tuyến thu gom của hệ thống thoát nước. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước có trách nhiệm đầu tư xây dựng mạng lưới thu gom đến điểm đấu nối.

Đơn vị thoát nước có trách nhiệm và được quyền giám sát việc xây dựng công trình thu gom và xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt của các hộ thoát nước để bảo đảm việc xây dựng các công trình này là đúng quy định, đồng thời có trách nhiệm tổ chức kiểm soát việc xả nước thải của các đối tượng sử dụng dịch vụ thoát nước đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định, tự tổ chức lấy mẫu, xét nghiệm khi thấy cần thiết.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại: www.binhdingh.gov.vn)

Chỉ thị số 06/2011/CT-UBND của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Ngày 1/3/2011 UBND tỉnh Đồng Tháp đã ban hành Chỉ thị số 06/2011/CT-UBND về việc Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Thực hiện Luật Đất đai 2003 và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật, công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn Tỉnh dần đi vào nề nếp, góp phần quan trọng vào việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng – an ninh trên địa bàn Tỉnh. Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn những hạn chế, yếu kém

nhất định như: công tác quản lý đất đã giao, cho thuê và quỹ đất chưa giao sử dụng (hay còn gọi là quỹ đất công); kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về đất đai; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng của một số huyện, thị, thành phố, nhất là chính quyền cấp xã chưa được tăng cường đúng mức, có mặt thiếu chặt chẽ.

Để khắc phục những hạn chế nêu trên và

thực hiện tốt pháp luật về đất đai, UBND tỉnh chỉ thị các đơn vị có liên quan tiếp tục hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về đất đai; Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai; Tăng cường quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản đồ địa chính chính quy lưới tọa độ; Quản lý và xây dựng quy định giá đất; Đẩy mạnh công tác giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; Tăng cường công tác quản lý đất đã giao, cho thuê và quỹ đất chưa giao sử dụng (hay còn gọi là quỹ đất công), kiểm tra, thanh tra việc tranh chấp pháp luật về đất đai; Kiên quyết thu hồi đất do vi phạm luật đất đai; Kiện toàn bộ máy quản lý đất đai và tiếp tục kiện toàn tổ chức thực hiện cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế “một cửa,

một cửa liên thông” trong quản lý đất đai; Làm tốt công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất.

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các ngành Tỉnh liên quan và UBND các huyện, thị, thành phố tổ chức đánh giá thi hành pháp luật đất đai của đơn vị, địa phương trong thời gian qua, đề ra kế hoạch và biện pháp cụ thể, sát thực, nhanh chóng tạo ra những chuyển biến rõ rệt trong công tác quản lý đất đai, đặc biệt chú trọng hạn chế đến mức thấp nhất các sai phạm mới. Đồng thời, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện của các ngành, địa phương và định kỳ báo cáo UBND Tỉnh về tình hình thực hiện.

Chỉ thị này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại: www.dongthap.gov.vn)

Nghiệm thu đề tài:

Nghiên cứu đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy hệ cao đẳng chuyên ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp - Mã số RD-14-09

Ngày 25/2/2011, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn đã chủ trì cuộc họp Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng nghiệm thu đề tài KHCN: “Nghiên cứu đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy hệ cao đẳng chuyên ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp (XDDD&CN)” - Mã số RD 14-09 do TS. Trịnh Quang Vinh - Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Xây dựng số 1 - Bộ Xây dựng làm chủ nhiệm đề tài.

Năm 1999, Trường Cao đẳng xây dựng số 1 đã thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ: Nghiên cứu, xây dựng chương trình giáo dục đại học trình độ cao đẳng, chuyên ngành XDDD&CN. Đề tài đã được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại các trường có đào tạo bậc cao đẳng trong ngành Xây dựng.

Tuy nhiên, cho đến nay trước sự phát triển nhanh của khoa học, công nghệ trong và ngoài ngành, trước những thách thức, đòi hỏi ngày càng cao của xã hội, nội dung chương trình và phương pháp giảng dạy cần có sự thay đổi cho phù hợp. Do vậy, việc đổi mới chương trình đào tạo và phương pháp giảng dạy là đòi hỏi cấp bách, thiết thực nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong chiến lược phát triển đáp ứng yêu cầu hội nhập, toàn cầu hoá của ngành Xây dựng nói riêng và của đất nước nói chung.

Thực hiện công tác nghiên cứu với mục tiêu là xây dựng mới nội dung chương trình đào tạo hệ cao đẳng chuyên ngành XDDD&CN, đề xuất phương pháp giảng dạy, điều kiện cơ sở vật chất và các điều kiện khác phù hợp với chương trình nhằm đạt chất lượng đào tạo tốt,



Toàn cảnh cuộc họp của Hội đồng

đáp ứng nhu cầu xã hội, nhóm đề tài đã khảo sát và đánh giá thực trạng công tác đào tạo cử nhân cao đẳng chuyên ngành XDDD&CN, xây dựng cơ sở lý luận và pháp lý cho việc xây dựng chương trình đào tạo và phương pháp giảng dạy, trên cơ sở đó đề xuất chương trình giảng dạy mới, các phương pháp giảng dạy nhằm đạt hiệu quả cao khi thực hiện chương trình.

Một số đánh giá về chương trình mới như sau:

- Tên chương trình đảm bảo theo quy định của Nhà nước về chương trình đào tạo, khối ngành, loại hình,...

- Chuẩn đầu ra được cụ thể hoá đến từng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng cứng, kỹ năng mềm, mô tả chi tiết đến vị trí có thể sử dụng trong thực tế sau khi sinh viên tốt nghiệp.

- Hình thức tổ chức đào tạo là đào tạo theo học chế tín chỉ nhằm giảm bớt thời gian đào tạo còn 2 - 3 năm, giảm áp lực tâm lý cho người học; người học có thể học theo nhu cầu và năng lực thực tế của mình từ đó nâng cao chất lượng đào tạo và giảm bớt gánh nặng kinh tế

cho người học.

- Về nội dung: Chương trình được rà soát, cập nhật kiến thức mới theo xu thế phát triển của ngành và xã hội; được bổ sung các học phần tự chọn nhằm đa dạng hoá nội dung đào tạo, tăng cường kỹ năng mềm đặc biệt quan trọng cho người học sau khi ra trường tiếp xúc với công việc thực tế; được thiết kế mang tính đa dạng về nội dung nhưng vẫn đảm bảo tính chuyên sâu ngành nghề; được thiết kế bảo đảm tính liên thông ngang giữa các ngành trong lĩnh vực xây dựng và liên thông dọc giữa các bậc đào tạo; được thiết kế chú trọng đến thời lượng thực hành, thực tập trong mỗi một học phần và trong tổng thể chương trình, đặc biệt quan tâm đến khả năng tự học, tự nghiên cứu phát huy tư duy khoa học của người học.

Nội dung Chương trình gồm có 2 loại học phần là học phần bắt buộc và học phần tự chọn. Chương trình được hình thành từ hai khối kiến thức:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: Khối kiến thức này gồm có 42 tín chỉ, trong đó 40 tín chỉ bắt buộc và 2 tín chỉ tự chọn.

- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: Khối kiến thức này có tổng số 69 tín chỉ, trong đó kiến thức cơ sở ngành có 28 tín chỉ (22 tín chỉ bắt buộc và 6 tín chỉ tự chọn), kiến thức chuyên ngành có 29 tín chỉ (21 tín chỉ bắt buộc và 8 tín chỉ tự chọn), thực tập, thí nghiệm có 13 tín chỉ, khoá luận tốt nghiệp có 5 tín chỉ. Tổng số tín chỉ của Chương trình là 117.

Nhóm đề tài đã đề xuất một số quan điểm và ý kiến mang tính định hướng về các phương pháp nên áp dụng trong quá trình vận hành chương trình mới. Việc ứng dụng cụ thể là hoàn toàn linh hoạt, mềm dẻo, không dập khuôn. Người giảng viên trên lớp có thể vận dụng một phương pháp mà mình cho rằng phù hợp nhất để có thể truyền tải kiến thức đến người học hiệu quả nhất, hoặc kết hợp các phương pháp để tạo tính sinh động, đa dạng trong giảng dạy. Tập hợp mang tính khái quát các phương pháp

đã được đề xuất vận dụng trong các học phần bao gồm: Thuyết trình; dạy học dựa trên vấn đề; dạy học theo nhóm; vấn đáp; dạy học thông qua làm đồ án môn học, bài tập lớn.

Hiệu quả có thể nhận được khi áp dụng kết quả nghiên cứu của đề tài là nâng cao được chất lượng sản phẩm đào tạo (cả về kiến thức và kỹ năng), giải quyết, khắc phục vấn đề xã hội (vấn đề lý thuyết không đi đôi với thực hành và tình trạng doanh nghiệp phải đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung cho sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường tham gia công tác tại doanh nghiệp vì không có khả năng hoà đồng cả về lý thuyết và kỹ năng), từ đó chất lượng nguồn nhân lực ngành Xây dựng nói riêng và xã hội nói chung được cải thiện rõ rệt.

Các báo cáo phản biện và ý kiến của các thành viên Hội đồng nghiệm thu cho thấy Hội đồng nhất trí với tính cấp thiết của Đề tài và đánh giá cao nội dung của chương trình và phương pháp giảng dạy được nhóm đề tài đề nghị. Đề tài đã được nghiên cứu công phu, mức độ đầu tư cao, học phần phong phú, bảo đảm tính liên thông và tính linh hoạt thông qua hình thức đào tạo tín chỉ - một sự đổi mới quan trọng của chương trình này; bên cạnh đó Hội đồng cũng đã nêu ra những nội dung còn chưa hợp lý hoặc còn chưa được đề cập trong chương trình để giúp nhóm đề tài tiếp tục hoàn chỉnh, bổ sung.

Phát biểu kết luận, Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn cho biết Hội đồng thống nhất thông qua kết quả của đề tài. Thứ trưởng đánh giá cao các ý kiến đóng góp thiết thực và có cơ sở khoa học tại các báo cáo phản biện và của các thành viên Hội đồng, đề nghị nhóm đề tài tiếp thu các ý kiến đóng góp để tiếp tục hoàn chỉnh, bổ sung cho kết quả của đề tài, đồng thời lưu ý một số điểm sau: Cần nghiên cứu giảm bớt số lượng các môn học đại cương theo hướng lồng ghép nội dung các môn học đó vào các môn học chuyên ngành một cách hợp lý; kiến thức cần mang tính thực tế, kiến thức thực hành phải tốt,

kỹ năng phải vững có như vậy mới đáp ứng được mục tiêu đào tạo là học viên sau khi ra trường có khả năng làm được việc ngay; việc đổi mới chương trình và phương pháp giảng dạy cần giúp nhà trường khẳng định được thương

hiệu của mình.

Đề tài đã được Hội đồng KHKT chuyên ngành nghiệm thu và xếp loại Khá.

Huỳnh Phước

Hội nghị thẩm định Quy hoạch chi tiết Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, ngày 4/3/2011 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị thẩm định Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN). Tham dự Hội nghị về phía ĐHQGHN có GS.TS Mai Trọng Nhuận - Giám đốc, PGS.TS Phùng Xuân Nhạ - Phó Giám đốc cùng đại diện lãnh đạo Ban Xây dựng, trợ lý Giám đốc; Về phía Bộ Xây dựng có đại diện lãnh đạo một số Cục, Vụ chức năng, Ban QLDA đầu tư xây dựng ĐHQGHN tại Hòa Lạc và Viện Kiến trúc, Quy hoạch đô thị và Nông thôn - đơn vị chủ trì thiết kế Đồ án. Tham dự hội nghị còn có đại diện Văn phòng Chính phủ, Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Giáo dục Đào tạo, Bộ Kế hoạch & Đầu tư và Sở quy hoạch kiến trúc Hà Nội. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn đã chủ trì Hội nghị.

Thay mặt đơn vị thiết kế Đồ án quy hoạch, KTS. Lê Hoàng Phương - Viện Kiến trúc, Quy hoạch Đô thị và Nông thôn, Bộ Xây dựng đã trình bày nội dung chủ yếu của Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000. Theo đó, đồ án quy hoạch chi tiết 1/2000 được xây dựng trên nguyên tắc: đảm bảo tính chỉnh thể, thống nhất và khả năng phát triển của cơ cấu quy hoạch hiện đại, năng động và thống nhất trong từng giai đoạn. Ngoài ra đồ án phải đảm bảo tính hợp lý của tổ chức không gian chức năng, phù hợp và đáp ứng yêu cầu công nghệ, tạo dựng mối quan hệ hoạt động giữa các cơ cấu chức năng quy hoạch trong một chỉnh thể thống nhất là ĐHQGHN. Không gian quy hoạch kiến trúc đạt được các yêu cầu cao về bố cục, tổ chức không gian, đảm bảo môi trường học tập hiện



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn chủ trì Hội nghị thẩm định

đại, tiện nghi cao đáp ứng nhu cầu phát triển dài hạn và phù hợp với yêu cầu đặc thù của ngành nghề đào tạo, bảo đảm tính bền vững của môi trường và cảnh quan thiên nhiên.

Phạm vi lập quy hoạch ĐHQGHN gồm 1.130ha, trong đó phạm vi xây dựng là 1.000 ha. Cấu trúc không gian của ĐHQGHN được thiết kế theo mô hình đô thị hướng tâm, các công trình được bố trí phân tán để tạo thuận lợi về khoảng cách đi lại của giảng viên và sinh viên. Trong đồ án, nhóm tác giả đã dành sự quan tâm nhiều cho việc bố trí trục không gian - nơi tập trung các cơ sở đào tạo, đồng thời đề xuất nâng mật độ xây dựng để tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng cũng như giành đất dự trữ cho phát triển và không gian xanh.

Tại Hội nghị thẩm định, đại diện của Văn phòng Chính phủ, các Bộ và thành phố Hà Nội nhìn chung đánh giá cao nỗ lực của đơn vị tư vấn và nhóm thiết kế, ủng hộ ý tưởng quy hoạch của đồ án, đồng thời cũng đưa ra nhiều câu hỏi, bình luận về qui mô đào tạo, sự hợp lý

của qui hoạch không gian, sử dụng đất, cảnh quan, hạ tầng,...

Phát biểu tại Hội nghị, GS.TS Mai Trọng Nhuận cho biết, đồ án đã tiếp thu phần lớn các ý kiến góp ý của các lần lấy ý kiến trước đây và kế thừa các đặc điểm tốt của quy hoạch do đơn vị tư vấn trước đây (HOK, Hoa Kỳ) thực hiện và đã phát triển được nhiều điểm mới, phù hợp hơn với không gian kiến trúc, địa hình tự nhiên và tiện ích sử dụng của các hạng mục công trình. GS.TS Mai Trọng Nhuận cũng bày tỏ mong muốn, từ thiết kế quy hoạch, thiết kế chi tiết, triển khai xây dựng phải làm sao để tạo ra được một đô thị tri thức, hạ tầng số, một đô thị mang tính bền vững - tận dụng tối đa điều kiện tự nhiên và hài hòa với thiên nhiên.

Sau khi nghe các ý kiến đóng góp của đại diện ĐHQGHN, Văn phòng Chính phủ, các Bộ, thành phố Hà Nội, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn đã kết luận: Cách tiếp cận quy hoạch cũng như các định mức đầu tư của dự án xây dựng ĐHQGHN tại Hòa Lạc phải khác với quy hoạch và các định mức đầu tư chung cho các trường đại học thông thường, trong đó đặc biệt là phải đảm bảo tính hiện đại theo yêu cầu của đô thị tri thức, tầm nhìn chiến lược phát triển ĐHQGHN tiến tới đạt chuẩn quốc tế. Đồ án Quy hoạch chi tiết (QHCT) xây dựng tỉ lệ 1/2000



GS.TS Mai Trọng Nhuận - Giám đốc Đại học Quốc gia phát biểu tại Hội nghị

ĐHQGHN tại Hòa Lạc được thực hiện theo Luật Quy hoạch, là căn cứ để triển khai công tác lập QHCT tỉ lệ 1/500 của dự án thành phần và triển khai các bước tiếp theo. Quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/2000 ĐHQGHN tại Hòa Lạc phải thể hiện được các quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết 1/500, một số khu vực cần có quy hoạch chi tiết và thiết kế đô thị. Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn đã giao Vụ Kiến trúc quy hoạch làm đầu mối, phối hợp và chỉ đạo đơn vị tư vấn nhanh chóng cập nhật các ý kiến đóng góp, hoàn thiện hồ sơ đồ án để trình Bộ xem xét, phê duyệt.

Minh Tuấn

Hội thảo Công nghệ xanh và tự động hóa trong công trình xây dựng - nhu cầu và giải pháp

Ngày 15/3/2011 tại Hà Nội đã diễn ra Hội thảo "Công nghệ xanh và tự động hóa trong công trình xây dựng - nhu cầu và giải pháp" do Trung tâm Thông tin Bộ Xây dựng phối hợp với Cổng Thông tin iBuild tổ chức, dưới sự bảo trợ của Bộ Xây dựng. Tham dự Hội thảo có gần 200 đại biểu đến từ Bộ Xây dựng và các Bộ, ngành Trung ương, các viện nghiên cứu, doanh nghiệp tư vấn thiết kế, xây dựng, các ban quản lý dự án, các nhà cung cấp thiết bị tự động hóa công trình. Đại diện Bộ Xây dựng - TS. Trần Hữu Hà - Phó



TS. Trần Hữu Hà khai mạc Hội thảo

Vụ trưởng Vụ KHCN & MT Bộ Xây dựng đến dự và phát biểu khai mạc Hội thảo.

Với chủ đề tập trung vào vấn đề công nghệ tự động hóa trong công trình xây dựng và phát triển công nghệ xanh, Hội thảo đã thu hút được sự tham gia của nhiều nhà cung cấp giải pháp tích hợp, kết nối các hệ thống trong tòa nhà và đô thị tham dự với các tham luận: "Hệ thống tích hợp điều khiển và quản lý tòa nhà" của Công ty Honeywell, "Kết nối bất động sản" của Công ty Cisco Việt Nam, "Công nghệ cáp tiên tiến" của Công ty Tyco Electronics, "Chính sách về sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả trong các công trình xây dựng" của Vụ KHCN-MT Bộ Xây dựng, "Tòa nhà xanh và xu hướng công nghệ" của Viện Cơ học và tin học ứng dụng, "Xu hướng xanh và bài toán tiết kiệm năng lượng của các nhà sản xuất điều hòa không khí" của Công ty Nagakawa, "Phát triển kiến trúc xanh tại Việt Nam" của Viện Kiến trúc, Quy hoạch đô thị và nông thôn Bộ Xây dựng, "Ứng dụng công nghệ xanh trong công trình Trung tâm Hội nghị quốc gia và định hướng ứng dụng công nghệ xanh trong dự án Nhà Quốc hội" của Ban QLDA Đầu tư xây dựng Nhà Quốc hội và Hội trường Ba Đình mới...

Theo đánh giá của các chuyên gia, lượng năng lượng tiêu thụ trong các công trình xây dựng, bao gồm các công trình văn phòng, thương mại, nhà ở rất lớn, do đó nếu sử dụng các giải pháp về vật liệu, công nghệ điều khiển tự động các hệ thống trong tòa nhà có tiềm năng tiết kiệm năng lượng rất lớn. Có rất nhiều

hệ thống trong tòa nhà như hệ thống điện, điều hòa, chiếu sáng, báo cháy, an ninh ... có thể vận hành riêng lẻ hoặc vận hành trung tâm. Bằng việc tích hợp các hệ thống của tòa nhà, sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông (IP) và bộ điều khiển trung tâm có thể giúp người sử dụng, vận hành tòa nhà đạt được sự tối ưu về sử dụng năng lượng, nắm được thông tin về hoạt động của các hệ thống, đảm bảo an toàn, an ninh của tòa nhà. Giải pháp tích hợp các hệ thống như vậy đã được các nhà cung cấp công nghệ phát triển, ngày càng thân thiện, dễ sử dụng và đạt hiệu quả cao.

Phát biểu tại Hội thảo, TS. Trần Hữu Hà khẳng định, công nghệ tự động hóa trong công trình xây dựng và phát triển công trình xanh là xu hướng phát triển trong những năm tới. Ngành Xây dựng đang tiệm cận với các công nghệ tiên tiến của các nước đi trước. Về mặt chính sách, trong các văn bản quy phạm pháp luật như Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch, Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, Quy chuẩn sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, Quy chuẩn phòng cháy, chữa cháy đã đề cập đến vấn đề này. Vụ KHCN-MT với vai trò là cơ quan tham mưu về chính sách KHCN-MT của Bộ Xây dựng đang tiến hành soát xét, sửa đổi và xây dựng mới các tiêu chuẩn xây dựng phù hợp với quốc tế, trong đó có những quy định về sử dụng năng lượng và phát triển công trình xanh.

Minh Tuấn

MASS - Bê tông thế hệ tương lai

Ngày càng nhiều khách hàng lựa chọn bê tông MASS - loại bê tông công nghệ cao do Cty Cast Advanced Concretes của Anh nghiên cứu chế tạo. Đây là một dạng bê tông mới có tính năng hoàn thiện lý tưởng, kết hợp với tính năng độ bền cao bởi công nghệ bê tông vi mô.

MASS tạo ra những sản phẩm chất lượng

cao nổi tiếng từ bê tông, như những chất phủ bề mặt, bề mặt cầu thang, bề mặt các panen tường. Nó có thể được sử dụng trong các nhà bếp của các tòa nhà cao cấp, trong một số khách sạn nổi tiếng trên thế giới hoặc một số văn phòng sang trọng của ban giám đốc các công ty nổi tiếng. Bề mặt bê tông MASS khi sờ

vào thấy mát hơn so với bê tông thường, ấm hơn so với bề mặt đá, phẳng và có vân. Nó khác với bê tông tiêu chuẩn ở một số điểm cơ bản sau đây.

Các thiết kế hỗn hợp tinh vi

Cát có những tính chất độc đáo được chọn từ các mỏ đặc biệt. Cỡ hạt có vai trò quan trọng đặc biệt - không sử dụng cốt liệu lớn. Bề mặt được hoàn thiện như gương đặc chắc và tuyệt đẹp.

Nhẹ hơn

Bê tông được đổi mới về kích thước và khối lượng. Để đạt được tiêu chuẩn này, MASS đã phát triển hệ bê tông cán mỏng được cấp bằng phát minh. Đó là lớp phủ trên của mặt bàn bếp kích thước dài 3 m rộng 1,2 m dày 100 mm, có thể được lắp đặt trên bếp tiêu chuẩn mà không cần sự hỗ trợ của máy nâng cơ học.

Chống bám bẩn

Công nghệ MASS kết hợp sử dụng các phụ gia với mài siêu mịn và các chất trát bit đặc biệt. Kết quả tạo ra bề mặt bê tông ít phải duy tu, chống bám bẩn, chịu nhiệt (tới 200°C), chống vi khuẩn và có bề mặt bền vững.

Bê tông MASS được chế tạo như thế nào?

Các bề mặt được tạo ra bằng các khuôn cơ khí một cách cẩn thận sau mỗi lần đổ khuôn. Bê tông được định lượng bằng kỹ thuật số sử dụng các loại xi măng tính năng cao và các chất kết dính puzolan kết hợp với cát được chọn sạch sẽ, hạt mịn và phân cấp cỡ hạt tốt, với bột mầu và các phụ gia tích hợp. Các phụ gia này giúp kiểm soát tỷ lệ N/X để đạt tối ưu cho thủy hoá hoàn toàn, trong khi vẫn tạo ra được các đặc tính chảy lưu động của bê tông tự đầm (SCC). Hỗn hợp được điều chỉnh tuyệt vời này tạo ra độ đặc cho MASS, bề mặt rắn chắc và bền vững. Cường độ nén của MASS có thể đạt cao hơn 140 MPa.

Duy trì được khối lượng nhỏ là điều đặc biệt quan trọng. MASS được tạo ra bằng cách kết hợp bê tông vi cấu trúc với hệ phiên mỏng của nó. Điều đó có nghĩa là các bề mặt có thể được

tạo ra trên chiều dài hơn và rộng hơn so với các composite nhựa - và có độ dày tới 18 mm. Nghĩa là khối lượng được duy trì ở mức tuyệt đối nhỏ để có thể vận chuyển bằng tay và lắp đặt.

Khả năng này cũng có thể tạo ra được các bề mặt rộng dày tới 100 mm, tạo ra bề mặt tấm cứng chắc. Kết quả tốn ít nguyên liệu hơn so với bê tông thường cần thiết để hoàn thiện độ dày như vậy.

Điều đặc biệt là bề mặt MASS có tính trang trí bằng tay. Bí quyết là do quá trình hoàn thiện tích cực. Các bề mặt đúc được bảo dưỡng nước ít nhất 2 tuần. Sau đó chúng được mài bằng các đĩa mài kim cương cao cấp. Các đĩa mài này tạo ra khả năng cắt và mài đặc biệt, trong khi vẫn duy trì được bề mặt chất lượng cao. Cuối cùng sử dụng chất trát bit chống bám dính bền chắc.

Công ty Cast Advanced Concretes thực hiện mọi công việc theo đặt hàng, công ty có thiết kế của 19 hỗn hợp bê tông mẫu tiêu chuẩn, đó là các mẫu xám tự nhiên của bê tông cũng như các mẫu trắng, nâu, đen và xanh bóng mờ, xanh lá cây và vàng. Độ dày có thể đạt tới từ 40 đến 100 mm, đúc không có mối nối đối với hầu hết các hình dạng và kích thước. Độ hoàn thiện tiêu chuẩn ngang tựa satin, nhìn không kém thủy tinh, thép không gỉ và gỗ.

Các đặc điểm của MASS trên các công trình như National Gallery, Armani, Khách sạn Hilton, trụ sở công ty Arup, công ty Hammersons và Stanhope, và hàng trăm nhà bếp nổi tiếng. Các công trình vừa qua đóng vai trò ngôi sao trên màn hình TV Grand Designs và các quán bar- cafe mang tên "Concrete" bên trong tòa nhà Hayward Gallery của London South Bank.

Kết luận

MASS lần đầu tiên ra đời vào năm 2001. Công nghệ MASS đã được chuyển giao từ Cast Advanced Concretes cho Tập đoàn Edenhall Group. Bên cạnh MASS, Edenhall còn sản xuất đá đúc nổi tiếng, sử dụng phương pháp đúc bán khô, đúc ướt và bê tông cốt sợi thủy

ting (GRC); bê tông đúc sẵn, chế tạo từ các cấu kiện và chi tiết từ nhỏ tới lớn có trang trí hoàn thiện đặc biệt; ốp bề mặt gạch và các block.

Edenhall có thể đáp ứng mọi nhu cầu của các hợp đồng quan trọng, với giá cả cạnh tranh từ 12 cơ sở sản xuất trên toàn VQ Anh. Tập

đoàn có 3 trung tâm kỹ thuật cung cấp các giải pháp thiết kế nổi tiếng đáp ứng mọi nhu cầu của người tiêu dùng.

Đinh Bá Lô

Theo T/C “Concrete” Anh

Tiêu chí xác định hộ gia đình có hai nhà ở - biện pháp chính sách quan trọng của Trung Quốc

1. Tiêu chí xác định hộ gia đình có hai nhà ở:

Ngày 4/6/2010, Bộ Xây dựng, nhà ở, đô thị và nông thôn Trung Quốc, Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc, Ủy ban giám sát quản lý ngân hàng Trung Quốc chính thức ban hành “Thông tư về việc quy phạm tiêu chí xác định hộ gia đình có hai nhà ở trong khoản vay nhà ở cá nhân mang tính thương mại” (gọi tắt là Thông tư), lấy số lượng nhà ở hoàn chỉnh mà gia đình có và khoản vay là tiêu chuẩn để xác định hộ gia đình có hai nhà ở, “vừa xác định số lượng nhà ở, vừa xác định khoản vay”. Ngay từ khi mới đưa ra, quy định này đã được coi là “tiêu chí xác định hộ gia đình có hai nhà ở chặt chẽ nhất”, các ngân hàng thương mại đều nhiệt liệt hưởng ứng, thị trường nhà đất cũng nhanh chóng thay đổi, tâm lý và hành vi mua nhà của mọi người cũng khác.

Trong thực tế, hạn chế chặt chẽ một hộ gia đình có hai nhà ở là tinh thần chính của Nghị quyết của Chính phủ Trung Quốc ban hành tháng 4/2010. Chính sách của Trung Quốc quy định, đối với các hộ gia đình mua căn nhà thứ hai, số tiền phải trả đợt đầu không được thấp hơn 50% tổng số tiền vay, lãi suất khoản vốn vay không được dưới 1,1 lần lãi suất cơ bản. Nhưng do tiêu chuẩn xác định nhà ở thứ hai khi đó không rõ ràng, Chính phủ Trung Quốc liên yêu cầu Bộ Xây dựng, nhà ở, đô thị và nông thôn cùng Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc, Ủy ban Giám sát quản lý ngân hàng Trung Quốc xây dựng tiêu chí xác định hộ gia đình có

hai nhà ở. Trong tiêu chí xác định này, chính thức nêu ra các trường hợp hộ gia đình có hai nhà ở:

- Người vay vốn lần đầu để mua nhà để nghị sử dụng khoản vay để mua nhà ở, nhưng đã có 1 căn nhà được đăng ký trong hệ thống thông tin nhà ở (hoặc hơn một căn);

- Người vay vốn đã sử dụng khoản vay mua một căn nhà (hoặc hơn một căn), nay lại đề nghị vay vốn để mua nhà nữa;

- Ngân hàng điều tra cẩn thận thông qua các hình thức như kiểm tra thông tin ghi chép, nói chuyện trực tiếp (đến tận nhà trao đổi khi cần thiết), xác định rõ gia đình người vay vốn đã có một căn nhà (hoặc hơn nữa). Thông tư còn nêu rõ, số lượng nhà ở trong khoản vay vốn nhà ở mang tính thương mại sẽ lấy hộ gia đình làm đơn vị để xác định. Tức là, nếu mọi thành viên của hộ gia đình đó (bao gồm người vay vốn, vợ hoặc chồng, con cái) mua nhà, đều tính vào số lượng nhà ở của gia đình đó.

Tiêu chí xác định hộ gia đình có hai nhà ở là phương hướng chính sách quan trọng, có ảnh hưởng lớn đối với thị trường nhà đất. Tiêu chí này đã thống nhất các tiêu chí xác định trước đây, tập trung vào tiêu điểm “xác định nhà ở, xác định khoản vốn vay”, chú ý xác định nhà ở dùng để ở chứ không phải là để đầu tư, không khuyến khích đầu cơ và đầu tư nhà ở.

2. Tiêu chí mới vừa cụ thể hóa vừa bổ sung cho các tiêu chí trước đây

Cho tới nay, mục đích chính sách điều tiết thị trường nhà đất của Chính phủ Trung Quốc rất

rõ ràng, ngăn chặn hành vi đầu cơ và đầu tư nhà ở, kiềm chế giá nhà tăng lên quá nhanh. Nhưng nguyên tắc “xác định khoản vốn vay, không xác định nhà ở” thực hiện trước đây khiến cho người đầu cơ nhà ở thoát khỏi sự quản lý giám sát nhờ vào thủ đoạn đầu tư toàn bộ khoản vốn vay vào nhà ở, khiến cho hiệu quả thực hiện chính sách bị hạn chế nhiều. Tiêu chí mới xác định nhà ở, đồng thời xác định khoản vốn vay đã bịt kín khe hở của chế độ nhà ở trước đó.

Thông qua phản ứng thị trường, có thể thấy, trước hết mục đích của việc công bố “Thông tư” này là nhằm cụ thể hóa các quy định hữu quan ban hành trước đó, nhưng xét về nội dung, nó chặt chẽ hơn. Tiêu chí xác định mới đã có tác dụng điều tiết thị trường bất động sản.

Ngoài ra, “Thông tư” còn quy định, nếu cư dân địa phương khác đề nghị vay vốn mua nhà ở nhưng không thể chứng minh đã nộp thuế địa phương hoặc đã nộp bảo hiểm xã hội từ 1 năm trở lên, ngân hàng thực hiện chính sách tín dụng nhà ở đặc thù đối với hộ gia đình có từ hai căn nhà trở lên; ở những khu vực giá nhà thương mại quá cao, nguồn cung ứng thiếu hụt, ngân hàng thương mại có thể căn cứ vào mức độ rủi ro và chính sách hữu quan của chính quyền địa phương, tạm ngừng không cho họ vay vốn nhà ở.

Trọng tâm điều tiết nhà đất là ngăn chặn yêu cầu vay vốn nhà ở không hợp lý. Xét tiêu chí xác định hộ gia đình có hai nhà ở là một nguyên tắc chặt chẽ, phù hợp với chính sách điều tiết của Nhà nước, có hiệu quả trực tiếp đối với việc ngăn chặn hành vi đầu cơ, ổn định cung cầu trên thị trường nhà đất.

3. Các bên cần phải chung sức thực hiện tiêu chuẩn mới

Đối với ngân hàng, chênh lệch lãi suất vay và cho vay là mô thức chủ yếu để có doanh lợi, mà khoản vay vốn mua nhà ở cá nhân có lợi nhuận ổn định, tỷ lệ nợ khó đòi tương đối thấp do đó giữa các ngân hàng có sự cạnh tranh đối

với nghiệp vụ này. Nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh, các ngân hàng không mấy hài lòng với tiêu chí xác định hộ gia đình có hai nhà ở mới ban hành, khi thực hiện chính sách cho các hộ gia đình có hai nhà ở vay vốn, khó tránh khỏi hiện tượng “lách luật”.

Trong thực tế, các ngân hàng có thái độ khác nhau khi thực hiện tiêu chí xác định hộ gia đình có hai nhà ở, công tác truyền đạt chính sách từ ngân hàng Trung ương đến các ngân hàng chi nhánh rất trì trệ. Ngoài ra, hệ thống đăng ký nhà ở toàn quốc không hoàn chỉnh cũng là một trong những trở ngại. Nhằm tiện cho ngân hàng tra cứu thông tin về nhà ở của người vay vốn, Ủy ban Xây dựng đô thị thành phố Bắc Kinh đã cấp cho các ngân hàng “mật mã” truy cập hệ thống thông tin đăng ký nhà ở. Thông qua đó, ngân hàng có thể truy cập để tra cứu tình hình nhà ở của người vay vốn, bao gồm cả những căn nhà không ghi chép khoản vốn vay. Nhưng hệ thống thông tin nhà ở hiện nay không phủ khắp cả nước, ở Bắc Kinh người ta không thể truy cập được tình hình mua nhà những khu vực khác của người vay vốn. Ví dụ, người vay vốn đã có một căn nhà ở Thượng Hải, nhưng họ vẫn có thể vay vốn theo tiêu chuẩn mua căn nhà thứ nhất ở Bắc Kinh. Ngoài ra, chỉ có các ngân hàng ở một vài khu vực như Bắc Kinh, Quảng Châu... được Ủy ban Xây dựng đô thị địa phương trao “mật mã”; còn ở các khu vực khác ngân hàng khó chấp hành quy định.

Hiện nay, ở các khu vực chưa được Ủy ban Xây dựng đô thị địa phương trao “mật mã”, ngân hàng chỉ có thể thực hiện cơ chế “người vay vốn phải cam kết trung thực”, tức là trước khi cho vay, ngân hàng yêu cầu người vay phải ký cam kết đây là lần đầu tiên họ vay vốn mua nhà, nếu về sau phát hiện ra gian dối, ngân hàng sẽ nâng cao tỷ lệ trả vốn đợt đầu, nâng cao lãi suất, thu hồi khoản vay trước thời hạn, hoặc xử lý vật thế chấp trước thời hạn. Hiện nay, các hình thức được nêu trong tiêu chuẩn mới như “hệ thống thông tin đăng ký nhà ở”,

kiểm tra thông tin ghi chép, nói chuyện trực tiếp (đến tận nhà trao đổi khi cần thiết)... vẫn chưa rõ ràng và hoàn chỉnh, gặp trở ngại nhất định trong thực hiện. Sau này, cần có sự phối hợp của các ngành hữu quan như công an, cơ quan quản lý nhà đất, ngân hàng... ở khâu hộ tịch, quyền tài sản..., cùng xây dựng tài nguyên thông tin chung, đảm bảo cho chính sách được thực hiện với hiệu quả cao.

Ngoài ra, cũng không thể thiếu được việc xây dựng cơ chế giám sát quản lý nghiêm ngặt. Ví dụ, xây dựng cơ chế giám sát công khai, khuyến khích nhân dân tham gia tích cực. Nếu phát hiện ra người vi phạm, không chỉ xử lý người cung cấp thông tin giả mạo, mà còn truy cứu trách nhiệm ngân hàng cho vay vốn và cơ quan giám sát quản lý.

4. Cần phải chờ xem hiệu quả của chính sách điều tiết thị trường nhà đất

Sau khi “đóng van” thị trường nhà đất lần thứ hai hồi trung tuần tháng 4/2010, theo số liệu các thành phố trọng điểm công bố, hiệu quả của chính sách đã dần dần rõ nét. Lượng giao dịch nhà đất thành phố Bắc Kinh tháng 5 giảm 50,01% đối với nhà ở thương mại, giảm 48,56% đối với nhà ở phù hợp với điều kiện kinh tế, nhà ở hạn chế giá thành và hạn chế diện tích. Như vậy, lượng giao dịch trên thị trường nhà đất các thành phố trọng điểm giảm mạnh, ví dụ Thượng Hải giảm 72%, Quảng Châu giảm 69%, Thẩm Quyển giảm 86%...

Lượng giao dịch giảm mạnh, tất nhiên, đó là hiệu quả của chính sách điều tiết, là phản ứng đầu tiên của thị trường. Nhưng đó không phải là mục tiêu của chính sách, ngăn chặn hiện tượng giá nhà tăng vọt ở một số thành phố mới là mục tiêu mà đợt điều tiết thị trường nhà đất lần này cần đạt được, thế nhưng giá cả bất động sản hiện nay chưa được điều chỉnh rõ rệt. Nhà đất có hai tầng thuộc tính: một là nhu cầu cư trú, tức là nhu cầu bắt buộc; hai là nhu cầu đầu tư. Khi hàng hóa mất đi giá trị đầu tư, giá cả cần phải quay về mức tự nguyện chi cho nhu cầu

bắt buộc hay nhu cầu cư trú.

Từ khi Chính phủ Trung Quốc ban hành “Văn kiện số 10” kiên quyết ngăn chặn giá nhà tăng lên quá nhanh, các thành phố như Bắc Kinh, Thẩm Quyển, Quảng Châu, Trùng Khánh... đã đề ra chính sách địa phương về điều chỉnh thị trường nhà đất, Tổng Cục Thuế cũng ban hành ra nhiều thông tư, nhấn mạnh phải triệt để hạch toán thuế giá trị gia tăng đất đai. Sau đợt điều chỉnh này, hiệu quả ra sao, cần có một thời gian quan sát rồi mới có thể kết luận. Nhưng những chính sách của Trung ương và địa phương khiến cho ngày càng nhiều người tin tưởng đợt điều chỉnh thị trường nhà đất lần này khác với các đợt điều chỉnh trước đây, giá nhà đã giảm xuống rõ rệt.

Trước và sau năm 1999, nhà đất được xác định là điểm tăng trưởng quan trọng của nền kinh tế quốc dân, chức năng của nhà đất có thể tăng cường cho đầu tư, tiêu dùng, tăng trưởng kinh tế, bảo hiểm, phúc lợi. Thông qua điều chỉnh đợt này, chức năng của nhà đất chuyển hướng sang tăng cường bảo hiểm, phúc lợi, công bằng, định vị của nó là nhu yếu phẩm sinh hoạt. Hiện nay chính sách chưa hoàn chỉnh, các biện pháp hữu quan về tài chính, thuế... có thể sẽ tiếp tục ra đời.

Trong thực tế, lượng giao dịch nhà ở giảm đi nhiều đã khiến cho nhiều doanh nghiệp nhà đất đầu ngành bắt đầu có động thái mới, mọi người đều rất quan tâm tới mức độ điều chỉnh mạnh chưa từng có của chính sách. Một công ty bất động sản có cổ phiếu trên thị trường Hồng Kông đứng trước tình hình tiêu thụ giảm mạnh hồi tháng 5, đã chuẩn bị điều chỉnh sách lược tiêu thụ của mình, họ dự định sẽ giảm giá bán từ 8000 – 9000 NDT/m² xuống còn khoảng 7000 NDT/m² điều chỉnh quy mô các dự án xây dựng nhà ở.

Trước tình hình giá nhà ở sẽ giảm, ngành tài chính cũng chuẩn bị đối phó với những rủi ro tiềm tàng. Theo kết quả điều tra, 4 ngân hàng thương nghiệp lớn ở khu vực Bắc Kinh có khả

năng chống chịu tương đối tốt đối với áp lực giá nhà, việc giá nhà giảm chỉ gây ảnh hưởng nhỏ đối với họ, nhưng nếu giá nhà giảm 20% - 30%, các khoản vốn cho vay liên quan với nhà đất của một số ngân hàng cổ phần sẽ bị ảnh hưởng với mức độ nhất định.

Tuy giá nhà tăng quá nhanh trước đây không mang lại rủi ro lớn cho ngân hàng, nhưng để giải quyết vấn đề phát triển dài hạn của ngành, chính sách điều chỉnh nhà đất sẽ còn

tiếp tục cho tới khi mô thức phát triển nhà đất có chuyển biến căn bản. Năm 2010 là năm đầu tiên điều chỉnh cải cách chính sách nhà đất, người đầu tư nhất định sẽ thấy cục diện mới.

Trần Chi Nông

Nguồn: Tạp chí "Xây dựng đô thị và nông thôn" số 8 năm 2010

ND: Hoàng Thế Vinh

Nghiên cứu sự ảnh hưởng tương hỗ giữa thiên nhiên và đô thị ở thành phố Matxcova

Kinh nghiệm nhiều thế kỷ cho thấy cần thiết đạt được sự cân bằng giữa lợi ích của phát triển đô thị và của sự duy trì môi trường sống thông thường trong đô thị. Tình trạng môi trường thiên nhiên trong đô thị được đặc trưng bởi sự hiện diện và chất lượng của các khu cây xanh, độ sạch của không khí, nước, đất đai và các đặc tính khác. Trong quá trình lịch sử không chỉ đô thị có vai trò quyết định đối với tình trạng của môi trường thiên nhiên mà ngay thiên nhiên cũng ảnh hưởng đến sự phát triển của đô thị và cấu trúc quy hoạch của đô thị. Sự bỏ qua các yếu tố thiên nhiên luôn dẫn đến những hậu quả tiêu cực.

Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Matxcova được lập lần thứ nhất vào năm 1939 đã nêu ra việc hình thành hệ thống các dải cây xanh liên kết trung tâm thành phố với rừng ngoại ô. Vành đai rừng - công viên bảo vệ được hình thành như một bộ phận không thể thiếu trong cấu trúc quy hoạch đô thị.

Theo Quy hoạch chung cây xanh Matxcova được lập năm 1975, hai dải cây xanh dạng xuyên tâm (được bố trí dọc theo các hướng chủ đạo của biểu đồ gió) và 6 dải công viên - rừng được bố trí dọc theo chu vi và kết nối với hệ thống rừng ngoại ô, đã trở thành nền tảng của cấu trúc kiến trúc - quy hoạch của hệ thống cây xanh (mà cũng đã được thể hiện trong đồ án



Công viên rừng ở Matxcova – Công viên Pokrov

Quy hoạch chung phát triển thủ đô Matxcova và tỉnh Matxcova đến năm 2010). Cấu trúc tổ chức không gian của các khu vực cây xanh lớn bảo đảm sự thông gió cho các khu vực trung tâm của thành phố, chế độ nhiệt độ và độ ẩm hợp lý, giảm ô nhiễm không khí, tiếng ồn và nhiều yếu tố khác.

Cây xanh giữ vai trò đặc biệt trong các đô thị. Tại đây, đất thiên nhiên trên thực tế đã hoàn toàn bị phá huỷ và được thay bằng đất hỗn hợp; các dòng chảy của nước ngầm và nước mặt cũng bị phá vỡ, chế độ thủy văn của các hồ chứa nước bị thay đổi, tính chất của các lớp khí quyển tầng thấp bị thay đổi mạnh. Cây xanh trong quá trình sống của nó đã liên kết các yếu tố bị phá vỡ đó vào một hệ thống thiên nhiên thống nhất.

Sự tuần hoàn của vật chất và năng lượng sinh ra cá thể thực vật từ cây thân gỗ cho đến cây cỏ. Hiệu ứng đó được tăng cường lên nhiều lần trong quần hệ cây xanh. Diện tích sinh sống của quần hệ cây xanh càng lớn thì quần hệ cây xanh đó càng đến gần trạng thái cân bằng với môi trường xung quanh hơn, các chức năng hình thành môi trường và các chức năng bảo vệ môi trường càng được thể hiện mạnh mẽ hơn, tác động của quần hệ cây xanh lên các bộ phận của hệ thống thiên nhiên trong đó có cả con người càng thuận lợi hơn. Do vậy, trong đô thị ở những nơi có nhiều khu đất “chết” thì cây xanh giữ vai trò đặc biệt quan trọng tuy nhiên không phải là “điểm” cây xanh hoặc một hàng cây xanh mà phải là nhóm cây. Yếu tố này cần được tính đến khi lập quy hoạch xây dựng đô thị.

Trong đô thị nhất là trong các đô thị lớn tất cả các loài sinh vật hoang dã đều sống trong tình trạng căng thẳng do đô thị được tạo ra chỉ để phục vụ cuộc sống của con người, còn các loài khác trừ một số loài (như kiến, chuột và một số loài khác) đều rất khó tìm được một chỗ cư trú cho chúng trong hệ sinh thái được đô thị hoá. Thêm vào đó thiên nhiên xét về chủng loại và cảnh quan ở Matxcova lại rất đa dạng và các quần hệ thiên nhiên vẫn tiếp tục thực hiện các chức năng thân thiện của mình trong đó các chức năng chủ yếu là hình thành môi trường và bảo vệ môi trường. Phần dưới đây sẽ xem xét các chức năng đó một cách cụ thể.

Chức năng hình thành môi trường

Cây xanh tham gia vào quá trình hình thành đất, điều chỉnh vi khí hậu và các dòng nguyên tố vi lượng, tạo ra chỗ cư trú cho động vật và các sinh vật khác. Theo quy luật về sự thích ứng duy trì môi trường cư trú toàn cầu mỗi quần hệ đều góp phần hình thành môi trường thuận lợi cho sự sống nói chung và cho con người nói riêng. Trong quá trình tổ chức không gian cây xanh cần tính đến một quy luật nữa theo đó sự lấp đầy không gian bên trong hệ thống thiên nhiên do sự tương tác giữa các phân hệ của hệ



Sông Matxcova nhìn từ phía Công viên Filevskiy

thống nên sẽ diễn ra theo hướng cho phép các tính chất ổn định tĩnh (tương đối bền vững) được thiết lập trên thực tế trong đó mâu thuẫn giữa các phần trong hệ thống là ít nhất. Từ đó dẫn đến sự không thể tồn tại của các yếu tố ngẫu nhiên “không cần thiết” trong sinh quyển kể cả các yếu tố do con người gây ra. Điều đó có nghĩa là nếu trên quy mô rộng lớn ở nước Nga rừng cây lá kim hỗn hợp rụng lá sớm là loài cây hợp lý thì khi trồng cây xanh ở Matxcova nên sử dụng chính loại cây này.

Chức năng bảo vệ môi trường

Cây xanh với chức năng là bộ phận chủ yếu của các hệ thống thiên nhiên trước hết có tác dụng bảo vệ cho môi trường được tạo ra. Nhờ các cơ chế sinh học điều tiết sự trao đổi năng lượng và vật chất, cây xanh có tác dụng đáng kể trong việc bảo đảm sự bền vững, tính hòa hợp của hệ thống thiên nhiên, trung hoà các phản ứng bên trong chúng và ngăn cản các tác động từ bên ngoài.

Ngoài những chức năng chủ yếu nêu trên, cây xanh còn thực hiện nhiều chức năng khác như làm sạch khí, điều chỉnh chế độ khí, nước, tiếng ồn, năng lượng, tích lũy, ngăn gió và các chức năng khác.

Như đã nêu ở phần trên, hệ sinh thái của các đô thị lớn trong đó có thành phố Matxcova phát triển trong điều kiện chịu sự tác động từ bên ngoài ngày càng tăng của hàng loạt các yếu tố tiêu cực. Nhóm thứ nhất các yếu tố tiêu cực là các hiện tượng xuất hiện trong đô thị như

tải trọng nghỉ dưỡng ngày càng tăng, sự ô nhiễm tất cả các loại môi trường thiên nhiên do các sản phẩm của cuộc sống gây ra, do bức xạ điện từ trường, sự thay đổi của môi trường địa chất, của đất đai, địa hình, việc đưa vào sử dụng các loại sản phẩm khác lạ và nhiều nguyên nhân khác. Thuộc nhóm các yếu tố thứ hai là các tác động gián tiếp lên hệ sinh thái từ phía môi trường đô thị đã bị biến đổi. Ví dụ điển hình cho loại tác động này là sự tác động của loại hình khí hậu mezo trong đô thị.

Ở Matxcova hiệu ứng “đảo nhiệt” xuất hiện khá rõ (xét theo các chỉ tiêu nhiệt độ, hiệu ứng đảo nhiệt ngày nay được phân bố ở vùng thảo nguyên chứ không ở vùng rừng hỗn hợp). Mặt khác, tại đây sự chênh lệch nhiệt độ giữa khu vực trung tâm và khu vực ngoại vi đô thị là không lớn mà vào các mùa khác nhau và vào các thời điểm khác nhau đạt khoảng 4°C - 5°C. Tuy nhiên, các đặc trưng của khí hậu mezo ở thủ đô bị giới hạn không chỉ bởi các chỉ tiêu nhiệt độ. Trong phạm vi thành phố đã hình thành một chế độ tuần hoàn đặc biệt của các lớp khí quyển tầng thấp và chế độ gió trong đó có gió Brizo đô thị; tình trạng sương mù của khí quyển tầng cao đến mức làm cho số lượng ngày nhiều mây và mưa trở nên nhiều hơn, v.v... Sự mở rộng của các bề mặt bị “phủ kín” gây ra gradien nhiệt độ mạnh trong đất như vào những ngày nắng mùa hè bên dưới lớp phủ mặt đất bằng asphan các tầng đất có rễ cây ở phía trên bị nung nóng đến 40°C. Về mùa đông do các lớp lá cây rụng trên mặt đất được quét dọn và do tuyết phủ nên các lớp đất bị làm lạnh rất nhiều và bị đóng băng sâu dẫn đến rễ cây dễ bị hỏng. Sự chênh lệch nhiệt độ trong năm tại tầng đất có rễ cây trong đất đô thị đạt đến 40°C - 50°C, trong khi đó trong điều kiện tự nhiên (với phạm vi diện tích trung bình) sự chênh lệch nhiệt độ này không quá 20°C - 25°C.

Tuy nhiên, không chỉ khí hậu mezo và vi khí hậu mới làm giảm sút điều kiện sống của cây xanh trong các đô thị lớn. Trong khi điều kiện

sống cơ bản của cây xanh là ẩm (nước), thì cây xanh trong đô thị gặp phải tình trạng đất thiếu độ ẩm do nước thoát vào kênh thoát nước. Ngoài ra, khi có mưa hoặc được tưới nước có thể xảy ra tình trạng nước đóng băng khiến rễ cây không tiếp xúc được với không khí.

Những yếu tố tác động bên ngoài nêu trên đã làm hình thành các đặc tính về mặt chức năng và cấu tạo của hệ sinh thái. Sự bắt đầu của các hiện tượng sinh vật khí hậu học trong sự phát triển của thực vật chuyển dịch 7 - 10 ngày, còn mùa sinh trưởng kéo dài hơn từ 1,5 đến 2 tuần so với thiên nhiên hoang dã. Mùa sinh trưởng lần thứ hai trong điều kiện mùa thu ẩm cũng đã xuất hiện. Tại Matxcova có trên 1.000 loài thực vật trong đó có 366 loài cây thân gỗ và trong số này chỉ có 43 loài có tại địa phương. Vì những lý do nêu trên, các loài thực vật được đem đến từ các khu vực phía Nam đất nước đang chiếm ưu thế so với các loài thực vật “bản địa”. Các loài thực vật đang chiếm ưu thế còn là các loài phát triển nhanh và bền vững trước tác động của các yếu tố tiêu cực của môi trường đô thị.

Kết quả là cây thân gỗ ở đô thị bị áp chế và bị bệnh. Thêm vào đó ở đô thị các loại vật có hại cho sự phát triển của rừng lại chiếm ưu thế do sự dư thừa nhiệt và thiếu các loại động vật ăn các loại vật có hại này. Ví dụ, các loại vật có hại (đi kèm với các loại hòm đựng bằng gỗ) hầu như không gặp phải một đối thủ thiên nhiên nào ở chỗ sinh sống mới mà chúng được đem đến.

Các loài động vật cũng tích cực thích nghi với điều kiện sống mới. Sự xuất hiện của các loài chim nước trú đông tại các hồ nước không bị đóng băng ở Matxcova nay đã trở nên phổ biến. Ngay cả quạ cũng trú đông tại đây. Đây là loài chim ngủ đêm tại các bãi rác ngoại ô và tại các khu vực đô thị được bảo vệ và tương đối ấm áp (ví dụ, nghĩa trang). Sinh sống tại thành phố còn có các động vật di trú như vịt trời lông đỏ. Hoạ mi, bồ câu và một số loài khác có thời gian sinh sống dài vào mùa hè nên kịp để 2 đến 3

lúa do đó số lượng các loài này không ngừng tăng. Tại các tầng hầm ẩm ướt trong điều kiện ẩm áp giữa mùa đông các ấu trùng muỗi đã phát triển tốt trong đó có những loại muỗi là tác nhân truyền bệnh sốt rét. Tại các vị trí các nhà máy điện xả nước nóng ra sông Matxcova từ nhiều năm nay đã và đang có các loài cá nước ngọt sinh sống.

Như vậy, các hệ sinh thái đô thị dưới tác động của các yếu tố bên trong và bên ngoài đang bị biến đổi mạnh mẽ. Sự phong phú về loại hình tăng chủ yếu do sự tồn tại của các loài

sinh vật lạ và cỏ dại kể cả do các điều kiện sinh thái ở đô thị cũng như chỗ cư trú rất phong phú. Cơ cấu hệ sinh thái và nhịp độ phát triển của các hệ sinh thái trong đô thị cũng đang bị thay đổi. Tất cả những vấn đề đó đều cần phải được nghiên cứu và xem xét khi lập quy hoạch phát triển đô thị.

Mynin A. A

*Nguồn: Tạp chí Kiến trúc và xây dựng
Matxcova, số 1/2009*

Dịch và biên tập: Huỳnh Phước

Sinh thái học trong xây dựng, kiến trúc - ngành khoa học mới

Sinh thái học trong xây dựng - kiến trúc được hình thành như một ngành khoa học dựa trên thực tiễn thiết kế và xây dựng trong những năm cuối thế kỷ 20 đáp lại sự gia tăng các dấu hiệu của cuộc khủng hoảng sinh thái toàn cầu, sự phát triển các đô thị và ô nhiễm môi trường đô thị. Hiện nay đó là ngành khoa học mới, là sự tiếp nối của các ngành như: xây dựng đô thị, kiến trúc, xây dựng, môi trường, vật lý kiến trúc xây dựng, thẩm mỹ học ... nhằm giải quyết môi trường sinh thái của các tòa nhà, của các khu đô thị, của các nước với mục đích thiết lập một không gian cảnh quan lành mạnh và đẹp, hỗ trợ và khôi phục sự cân bằng sinh thái của các khu vực xây dựng và khu vực thiên nhiên trong phạm vi các đô thị, phạm vi cả nước, cả trái đất đồng thời với việc nâng cao chất lượng môi trường đô thị để đáp ứng ngày càng nhiều hơn những nhu cầu về sinh thái của người dân.

Đô thị, nơi tập trung dân cư đông đúc, đang đòi hỏi sự đảm bảo cho các cư dân của mình chất lượng cao trong cuộc sống về mặt sinh thái; đồng thời các đô thị cũng là trung tâm nảy sinh các vấn đề sinh thái cơ bản. Trong thế kỷ 20 và những năm đầu thế kỷ 21 các dấu hiệu khủng hoảng sinh thái toàn cầu gắn liền với các đô thị đã được thấy rõ: ô nhiễm tại nhiều đô thị

tăng, dẫn đến sự ô nhiễm môi trường xung quanh đô thị và tác động tới con người; sự gia tăng diện tích các siêu đô thị và sự biến đổi của chúng thành các vùng đô thị mà trước kia không ai biết tới, với dân số hàng chục triệu; các cảnh quan nhân tạo lấn át thiên nhiên; con người dần xa rời mối giao tiếp trực tiếp với thiên nhiên; những tác động tiêu cực của không gian đô thị tới con người (hệ thống chiếu sáng ban đêm được tăng cao, tiếng ồn, các sinh hoạt về đêm, v.v...). Bên cạnh đó, sự tiến hoá của các đô thị luôn có 2 mặt: Cùng với các dấu hiệu khủng hoảng là hệ quả của vấn đề sinh thái và việc áp dụng ngày càng hiệu quả công nghệ đô thị, chất lượng không gian đô thị cũng bắt đầu được nâng lên, đặc biệt từ giữa thế kỷ 20 (đặc biệt rõ nét đối với các nước phát triển): chất lượng không gian cảnh quan kiến trúc được cải thiện, chất lượng nhà ở nâng cao, ô nhiễm giảm dần, nhu cầu của người dân đô thị ngày một được đáp ứng rộng rãi hơn.

Quá trình đô thị hoá nhanh chóng dẫn đến sự gia tăng những tác động sinh học đến hệ thống sinh thái không chỉ đối với các khu vực cận đô thị mà còn đối với cả các vùng xa hơn (cùng với sự gia tăng "hiệu ứng sinh thái"). Nhưng các tác động này sẽ nhiều nguy cơ hơn

nếu dân thị thành ngày nay ít tập trung hơn ở các vùng nông thôn. Đô thị chỉ chiếm một phần nhỏ trên hành tinh có thể cho phép bảo tồn tuyệt đối khu vực thiên nhiên còn lại. Điều này cho phép khẳng định rằng quá trình đô thị hoá không nhất thiết có ảnh hưởng tiêu cực đối với hệ thống sinh thái mà ngược lại hoàn toàn có thể là nhân tố tích cực. Hơn thế, vấn đề sinh thái của không gian đô thị ngày nay là nhu cầu sống còn của nhân loại.

Ngành khoa học mới này dành cho sinh thái không gian đô thị, đáp ứng cho việc nghiên cứu và giải quyết những vấn đề cấp thiết để hoàn thiện nó, bảo vệ thiên nhiên và giảm thiểu tiêu hao nguồn tài nguyên. Cuốn sách đầu tiên theo thực tiễn trên thế giới “Sinh thái học xây dựng” được xuất bản ở Nga từ năm 1992, và đến tận năm 2001 cuốn sách với tên gọi tương tự mới được phát hành tại Mỹ rồi sau đó là một số nước khác. Hiện nay, ngành khoa học này dưới các tên gọi khác nhau (sinh thái học xây dựng, xây dựng bền vững, v.v...) được giảng dạy tại nhiều trường Đại học xây dựng trên thế giới. Mới đây, nhà xuất bản Viện Hàn lâm lần đầu tiên trong nước và trên thế giới cho ra mắt cuốn sách giáo khoa “ Sinh thái học xây dựng - kiến trúc”.

Các nguyên tắc sinh thái học xây dựng kiến trúc bao gồm sinh thái học trong xây dựng đô thị, sinh thái kiến trúc, vật lý kiến trúc sinh thái, kiến trúc cảnh quan, sinh thái học xây dựng. Sinh thái học trong xây dựng đô thị nhằm giải quyết các vấn đề tương hỗ của các đô thị đang phát triển. Ba ngành bổ sung lẫn nhau - sinh thái học trong phát triển đô thị, hạ tầng sinh thái, kiến trúc cảnh quan cùng tham gia giải quyết những vấn đề về sinh thái của các khu vực xây dựng. Sinh thái học trong xây dựng đô thị giải quyết bài toán sinh thái của các khu vực xây dựng trong phạm vi một vùng; còn hạ tầng sinh thái và kiến trúc cảnh quan giải quyết vấn đề nâng cao chất lượng không gian đô thị và các vùng phụ cận.

Bộ phận lớn của sinh thái học trong xây dựng - kiến trúc chính là sinh thái học xây dựng. Việc sử dụng đất đai vào nhiều chức năng khác nhau, xây dựng kết hợp bảo tồn các thảm địa - thực vật, các toà nhà thông minh phù hợp sinh thái, các công trình kỹ thuật, công tác khôi phục tái tạo môi trường sinh thái ...là một trong những định hướng cấp thiết hiện thời.

Còn một bộ phận nữa của ngành khoa học mới này là kiến trúc sinh thái. Kiến trúc sinh thái là các đặc điểm tác động lẫn nhau về sinh thái giữa các công trình kiến trúc và thiên nhiên, các nhu cầu về sinh thái xã hội của người dân, đồng thời ngành khoa học này còn hướng đến sự gắn gũi của con người đối với thiên nhiên, giải phóng con người khỏi không gian đô thị đơn điệu, hướng tới sự phân bố dân cư hợp lý về mật độ tích, bảo vệ hơn 50% không gian đô thị cho việc phủ xanh, tách dân cư khỏi các tuyến đường giao thông, thiết lập điều kiện giao tiếp, v.v...

Những yếu tố vật lý đảm bảo môi trường bên trong thuận tiện (kiến trúc ánh sáng, khí hậu học, âm thanh học) được xem như khoa học vật lý kiến trúc sinh thái, là ngành hướng đến 3 thông số trên của không gian bên trong các tòa nhà - sự chiếu sáng và màu sắc (màu sắc dễ chịu), khí hậu bên trong (nhiệt độ, độ ẩm, sự chuyển động của không khí), âm học (không gian âm thanh tốt). Khí hậu, ánh sáng và âm thanh thể hiện mối liên quan giữa các điều kiện về không gian, tòa nhà kiến trúc và học vấn về xây dựng đô thị cùng với cảm thụ của con người. Sự hiểu biết mối quan hệ này cho phép kiến trúc sư - nhà sinh thái học đánh giá đúng đắn, tính được các tác động của ánh sáng, khí hậu, âm thanh, thiết kế cho không gian của tòa nhà và khu đô thị một môi trường sinh thái tốt, tìm được những “phom” biểu thị kiến trúc làm nổi bật công trình bằng các yếu tố khí hậu - thiên nhiên.

Sinh thái học cảnh quan đô thị nghiên cứu các vấn đề hình thành cảnh quan thiên nhiên

và cảnh quan văn hoá bền vững (có khả năng tồn tại không bị biến đổi khi có nhiều tác động khác nhau) của đô thị. Hệ thực vật như một phần của cảnh quan đô thị là một trong những yếu tố chính nâng cao hơn chất lượng bầu không khí, nước, âm thanh, mùi vị...đồng thời còn là yếu tố quan trọng của bộ mặt cảnh quan kiến trúc đô thị. Tại siêu đô thị hiện đại đang dần xanh hóa thêm: phủ xanh dọc theo bề mặt các bức tường, vườn cây trên nóc nhà và trên các tầng, các khu vườn mùa đông dưới tầng 1 và bên trong các tòa nhà, phủ xanh các tòa nhà, các quả đồi v.v...

Một trong những định hướng cấp bách của sinh thái của các khu đô thị được xây dựng trước đây dựa vào cảnh quan trù phú, hoặc các khu đô thị mở rộng lấn cả cảnh quan thiên nhiên (như rừng, đồng ruộng, sông hồ, v.v...) chính là việc bảo vệ cảnh quan thiên nhiên cùng các yếu tố như thổ nhưỡng, hệ động thực vật...Cảnh quan thiên nhiên với điều kiện khí hậu - thiên nhiên của từng vùng luôn duy trì và hỗ trợ cho hệ động thực vật của các khu vực vệ tinh; trong một thời gian dài cảnh quan thiên nhiên - có mối quan hệ hữu cơ với nguồn nước và không khí - cũng tham gia quá trình tạo ra các nguồn này, và ngược lại. Bởi vậy, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên là nhiệm vụ số 1 của sinh thái học xây dựng - kiến trúc. Một trong những phương pháp bảo vệ hiện thực là sử dụng đất đai đô thị theo nhiều công năng.

Sinh thái học xây dựng nghiên cứu việc xây dựng các tòa nhà sinh thái và các công trình kỹ thuật có thể tạo nên không gian cảnh quan kiến trúc bên trong và bên ngoài vừa đẹp vừa lành mạnh, thân thiện với thiên nhiên, hỗ trợ cân bằng sinh thái và phù hợp với không gian tự nhiên xung quanh, bảo vệ và đồng thời khôi phục lại môi trường thiên nhiên và không gian sống cho con người. Các tòa nhà và công trình này không đòi hỏi lắp đặt toàn bộ hệ thống đường dẫn nhiên liệu (điện, nước, ga, khí đốt..) và dẫn chất thải, tức là vấn đề cung cấp nhiên

liệu và xử lý chất thải ở đây được xem xét bằng cách áp dụng các công nghệ xây dựng kiến trúc tiên tiến. Cách làm tương tự cho phép trả lại cho thiên nhiên tầng thực vật thổ nhưỡng ở một mức độ đáng kể, đồng thời tạo ra thêm những diện tích xanh mới cũng như tiết giảm sự ô nhiễm môi trường, hỗ trợ việc phục hồi cân bằng sinh thái .

Muốn đạt hiệu quả cao nhất về mặt kinh tế sinh thái và sinh thái xã hội cần áp dụng đồng bộ các biện pháp về môi trường học trong xây dựng đô thị, các biện pháp về kiến trúc và xây dựng ở tất cả các cấp - từ cả nước, cả đô thị đến từng tòa nhà, từng công trình kỹ thuật và căn hộ riêng biệt, đối với những quyết sách tổng thể về kiến trúc xây dựng (kế hoạch tổng thể, kế hoạch hóa cho từng vùng, kiến trúc cảnh quan và xanh hóa, mặt tiền và nội thất của các tòa nhà, vật liệu xây dựng...), đối với mọi giai đoạn của quá trình xây dựng - từ so sánh phương án, thiết kế, chọn công nghệ và vật liệu, đối với toàn bộ công nghệ đô thị (công nghiệp, giao thông, tổ hợp năng lượng, công nghiệp chất thải, kinh tế vùng nông thôn đô thị, v.v...), đối với công nghệ công cộng (cung cấp điện nước, điều hoà, xử lý chất thải...). Liên quan tới vấn đề này còn có việc sử dụng đất theo nhiều chức năng khác nhau. Ngoài ra, để tăng diện tích được xanh hóa thì việc bố trí các pin năng lượng mặt trời, phủ xanh các tòa nhà luôn gắn liền với các tòa nhà, các công trình xây dựng. Một số tòa nhà còn được xây ngầm dưới đất hoặc thiết kế tận dụng khoảng không bên trên nhằm giải phóng bề mặt cho cảnh quan thiên nhiên thực hiện chức năng tự nhiên của mình.

Môi trường xây dựng là tài sản quý giá của rất nhiều nước. Chính vì thế, nhân công xây dựng (công nhân xây dựng đô thị, kiến trúc sư, công trình sư, nhà sản xuất, nhà thầu...), với sự tiếp sức của ngành sinh thái học xây dựng kiến trúc, đóng một trong những vai trò chính nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của các đô thị và đảm bảo việc tạo nên một cuộc sống chất lượng cao về sinh thái, một môi trường sống

bền vững. 2 nhiệm vụ đặt ra với họ : xây dựng cuộc sống chất lượng cao, đồng thời đảm bảo hệ sinh thái cho các đô thị, làm giảm ô nhiễm môi trường, đạt tới sự cân bằng sinh thái giữa các khu đô thị và thiên nhiên.

Ngành khoa học mới này có mục đích hình thành một đội ngũ chuyên gia có trình độ về sinh thái - đó là các kiến trúc sư, các nhà xây dựng đô thị và công nhân xây dựng, những người có thể thiết kế và xây các công trình, tu bổ tôn tạo lại các công trình được xây dựng trước đây, làm sao để không tàn phá mà hồi sinh thiên nhiên, đạt được sự cân bằng sinh thái giữa các vùng đô thị hóa và môi trường tự nhiên, nâng cao chất lượng cuộc sống tại các đô thị, giảm tiêu hao năng lượng. Kiến trúc sư và kỹ sư - công nhân xây dựng là thành phần cơ bản tham gia quá trình thiết kế và xây dựng cũng như tu bổ các tòa nhà, các công trình, trước hết, họ cần hình dung họ sẽ tương hỗ như thế nào với môi trường tự nhiên xung quanh. Kỹ năng phòng tránh những tác động tiêu cực của các công trình đối với môi trường, trợ giúp cho các hệ thống tự nhiên phát triển đồng thời nâng cao chất lượng cuộc sống phụ thuộc nhiều vào việc nắm vững các quy luật sinh thái học. Cần hiểu rõ sự tác động qua lại của tiến bộ công nghệ và môi trường sinh học. Liên quan tới vấn đề này có những nhiệm vụ cơ bản của sinh thái học xây dựng kiến trúc như sau:

- Nghiên cứu đặc điểm mối tương quan giữa môi trường thiên nhiên và vị trí phân bố, bao gồm mọi hoạt động của con người, và nghiên cứu các biện pháp dung hoà sự tác động qua lại đó;

- Hỗ trợ sự cân bằng sinh thái giữa các khu dân cư và môi trường xung quanh bằng các biện pháp sinh thái - kiến trúc và sinh - thái xây dựng.

- Sử dụng các biện pháp sinh thái xây dựng đô thị, kiến trúc, xây dựng, công nghệ một cách đa năng trong xây dựng các công trình sinh thái;

- Nâng cao chất lượng cuộc sống tại các khu dân cư và trong các tòa nhà thông qua đa dạng sinh thái cuộc sống và các hoạt động của con người tại đô thị, bảo đảm sự tương tác “nhẹ nhàng” giữa đô thị và môi trường thiên nhiên;

- Tu bổ các tòa nhà, các công trình, các khu đô thị về mặt sinh thái;

- Tiết kiệm năng lượng, tích cực sử dụng năng lượng tái tạo;

- Sử dụng nguyên vật liệu có nguồn gốc từ thiên nhiên hoặc gần thiên nhiên, cũng như các chất thải trong quá trình sản xuất vật liệu xây dựng nhằm loại trừ các tác động xấu tới môi trường xung quanh;

- Dự báo và đánh giá được những hệ quả tiêu cực có thể có của công tác xây dựng tu bổ đối với môi trường;

Tóm lại, xu thế sinh thái hoá các đô thị trong thực tế kiến trúc xây dựng trên thế giới đã bắt đầu. Nhiều trường đại học đã đưa vào chương trình các bài giảng về sinh thái học xây dựng kiến trúc, kiến trúc và xây dựng bền vững. Các nghiên cứu trong lĩnh vực sinh thái học xây dựng kiến trúc ngày càng được chuyên sâu và mở rộng. Các khái niệm mới, ví dụ “vẻ đẹp sinh thái của đô thị và các tòa nhà”, “quy mô mới của hệ quả sinh thái”, “sử dụng đất đai theo nhiều công năng” v.v... được đưa ra. Nhiều khu dân cư, khu nhà sinh thái nhỏ đã được xây dựng và khai thác một cách có hiệu quả. Một số đô thị sinh thái đầu tiên đã được thiết kế. Kinh nghiệm quý báu trong thiết kế và xây dựng, kinh nghiệm sống hài hoà với thiên nhiên của từng người dân và của các đô thị đang được tích lũy thêm.

Tetyor A.N

Nguồn: Tạp chí Kiến trúc và xây dựng

Matxcova, số 2/2010

ND: Nguyễn Thị Lệ Minh

Công đoàn Cơ quan Bộ Xây dựng tổ chức Lễ kỷ niệm ngày Quốc tế phụ nữ 8-3

Sáng ngày 8/3/2011, Công đoàn Cơ quan Bộ Xây dựng đã tổ chức Lễ mít tinh trọng thể chào mừng 101 năm ngày Quốc tế Phụ Nữ 8-3 và 1971 năm khởi nghĩa Hai Bà Trưng. Tham dự buổi Lễ có Ủy viên TW Đảng -Thứ trưởng Trịnh Đình Dũng; Thứ trưởng Thường trực Cao Lại Quang; Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn, lãnh đạo các Cục, Vụ, Văn phòng và toàn thể chị em CBCNV cơ quan Bộ Xây dựng.

Diễn văn chào mừng ngày Quốc tế Phụ nữ 8-3 do Phó Chủ tịch Công đoàn CQ Bộ Xây dựng – Vũ Thị Quạt trình bày đã ôn lại truyền thống của phụ nữ Việt Nam, lịch sử ra đời của ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, đồng thời báo cáo về công tác nữ công trong năm 2010 và các nhiệm vụ chủ yếu năm 2011.

Năm 2010 là năm có nhiều sự kiện lớn của đất nước, ngành Xây dựng, cơ quan Bộ Xây dựng tiếp tục đổi mới trong quản lý nhà nước cũng như trong sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển, đã góp phần đáng kể vào sự tăng trưởng kinh tế và ổn định chính trị của đất nước. Thành tích chung đó có phần đóng góp không nhỏ của toàn thể CNVCLĐ, đoàn viên công đoàn cơ quan Bộ Xây dựng nói chung và chị em nữ CNVCLĐ cơ quan Bộ Xây dựng nói riêng. Lực lượng nữ CNVCLĐ cơ quan bộ hiện có hơn 1700 người, chiếm tỷ lệ 43%. Được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, chị em trong cơ quan Bộ bên cạnh việc được tạo điều kiện rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn còn đảm đương tốt vai trò của người phụ nữ trong gia đình. Đặc biệt, qua Hội nghị tổng kết 5 năm phong trào người phụ nữ “giỏi việc nước, đảm việc nhà” (2005-2010), Công đoàn xây dựng Việt Nam đã tặng cờ thi đua cho Tập thể nữ CNVCLĐ cơ quan Bộ Xây dựng; tặng Bằng khen cho 12 tập thể và 28 cá nhân. Công đoàn cơ quan Bộ Xây dựng đã tặng Giấy khen cho 63



Thứ trưởng Cao Lại Quang phát biểu chúc mừng toàn thể nữ CNVCLĐ ngành Xây dựng nhân ngày Quốc tế Phụ nữ 8-3



Thứ trưởng Cao Lại Quang cùng các cán bộ Bộ Xây dựng biểu diễn văn nghệ chào mừng ngày 8-3

tập thể và 395 cá nhân. Ngoài ra, các hoạt động xã hội đã trở thành truyền thống của cơ quan Bộ Xây dựng như phong trào “Uống nước nhớ nguồn”, phong trào đền ơn đáp nghĩa, phong trào tấm lòng vàng...luôn được chị em tích cực tham gia.

Phát biểu tại buổi Lễ, Thứ trưởng Cao Lại Quang -Trưởng ban “Vi sự tiến bộ của phụ nữ Bộ Xây dựng” đã biểu dương và đánh giá cao nỗ lực của toàn thể nữ CNVCLĐ ngành Xây dựng nói chung và cơ quan Bộ Xây dựng nói riêng trong những năm qua, góp phần giúp Bộ Xây dựng hoàn thành các nhiệm vụ chính trị về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực được giao,

chỉ đạo công tác sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp đảm bảo tăng trưởng ổn định và bền vững năm 2010. Bước sang năm 2011 - năm đầu tiên triển khai Nghị quyết Đại hội XI của Đảng, năm đầu tiên thực hiện công cuộc 10 năm hiện đại hóa đất nước, nhiệm vụ đặt ra đối với ngành Xây dựng là rất lớn. Thứ trưởng bày tỏ sự mong muốn chị em nữ CNVCLĐ ngành Xây dựng phát huy hơn nữa truyền thống Phụ

nữ Việt Nam, đóng góp nhiều hơn cho sự nghiệp của ngành, của đất nước.

Thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Cao Lại Quang đã gửi những lời chúc mừng tốt đẹp nhất đến toàn thể nữ CNVCLĐ Bộ Xây dựng nhân ngày Quốc tế phụ nữ 8-3.

Lệ Minh

Hội thảo Đề án hỗ trợ nâng cao điều kiện an toàn nhà ở trong khu vực có lũ, lụt tại các tỉnh Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung

Ngày 11/3/2011 tại Bộ Xây dựng đã diễn ra Hội thảo lấy ý kiến các Bộ, Ngành Trung ương và các địa phương về Đề án hỗ trợ nâng cao điều kiện an toàn nhà ở trong khu vực có lũ, lụt tại các tỉnh Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung. Tham dự Hội thảo có đại diện các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; các tỉnh trong vùng Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Thừa Thiên Huế, Ninh Thuận, Quảng Trị. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam đã chủ trì Hội thảo.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam cho biết, vùng Bắc Trung bộ, duyên hải miền Trung nước ta là vùng có nhiều thiệt hại thiên tai hơn so với các vùng khác trên cả nước, do điều kiện địa hình, khả năng ứng cứu cũng gặp nhiều khó khăn. Những năm qua, Đảng và Nhà nước đã có những chính sách hỗ trợ các địa phương trong vùng này trong việc phòng chống thiên tai, bản thân các địa phương trong vùng cũng chủ động đề ra nhiều biện pháp phòng chống thiên tai và ứng cứu, hỗ trợ tại chỗ để khắc phục hậu quả thiên tai. Việc đưa ra cơ chế chính sách chung cho phòng chống thiên tai ở khu vực này là rất cần



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam phát biểu tại Hội thảo

thiết, tuy nhiên còn có những điểm chưa phù hợp, các địa phương có nhiều nỗ lực nhưng bị hạn chế về nguồn lực.

Trong năm 2009 - 2010, các tỉnh miền Trung và Bắc Trung bộ tiếp tục bị bão lụt, chịu thiệt hại lớn về con người và tài sản. Thủ tướng Chính phủ đã giao cho Bộ Xây dựng triển khai xây dựng Đề án hỗ trợ nâng cao điều kiện an toàn nhà ở trong khu vực có lũ, lụt tại các tỉnh Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung, với mục tiêu chủ yếu là đưa ra các giải pháp về nhà ở an toàn để giúp người dân trong vùng có thể sống chung với lũ lụt, giảm thiểu tối đa những thiệt hại về người và của cho nhân dân trong vùng lũ, lụt. Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Xây dựng đã tổ chức các đoàn khảo sát 14 tỉnh trong phạm vi nghiên cứu và kế thừa các kết

quả nghiên cứu cơ bản trước đây của Viện Kiến trúc, Quy hoạch Đô thị và nông thôn để hoàn thành Dự thảo Đề án. Thông qua Hội thảo này, Bộ Xây dựng lấy ý kiến đóng góp của các Bộ, Ngành và các địa phương về đặc điểm thiên tai trong vùng, giải pháp đảm bảo an toàn của các địa phương, các nguyên tắc, đối tượng và phạm vi hỗ trợ, về xây dựng nhà cộng đồng và các công trình công cộng cần thiết khác, lộ trình và cách thức thực hiện...nhằm nâng cao chất lượng và tính khả thi của Đề án, được sự ủng hộ của các địa phương và nhân dân.

Thay mặt cơ quan chủ trì soạn thảo Đề án, ông Nguyễn Mạnh Hà - Cục trưởng Cục Quản lý nhà và Thị trường Bất động sản đã trình bày các nội dung của Dự thảo Đề án.

Theo nghiên cứu của cơ quan soạn thảo, do đặc điểm địa hình và địa lý, hàng năm các tỉnh thuộc vùng Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung thường xuyên bị ảnh hưởng bởi lũ, lụt. Trong những năm gần đây, do biến đổi của thời tiết, khí hậu cũng như ảnh hưởng của nhiều nguyên nhân khác nên tại khu vực này, lũ, lụt xảy ra thường xuyên hơn, năm sau nhiều hơn và nguy hiểm hơn năm trước, gây tổn thất về người và tài sản cho nhân dân trong vùng. Trong các thiệt hại về tài sản nói chung thì thiệt hại về nhà ở là rất nghiêm trọng. Nếu trong năm 2009 số nhà bị ngập, hư hỏng do thiên tai bão lũ gây ra tại các tỉnh miền Trung là 370.000 căn nhà, trong đó trên 12.000 căn nhà bị hư hỏng, sập đổ hoặc bị lũ cuốn trôi thì chỉ riêng đợt lũ, lụt năm 2010 đã có trên 478.000 căn nhà bị ngập, gần 90.000 căn nhà bị sập đổ, bị lũ cuốn trôi hoặc bị hư hỏng.

Trong những năm qua, Nhà nước đã ban hành một số chính sách hỗ trợ nhân dân trong khu vực thường xuyên có thiên tai nói chung, trong đó bao gồm thiên tai lũ, lụt nhằm hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra. Trong các chính sách đã ban hành, có chính sách áp dụng chung cho cả nước và chính sách áp dụng đối với từng vùng, từng loại đối tượng như Quyết định số



Cục trưởng Cục Quản lý Nhà và TT BĐS Nguyễn Mạnh Hà trình bày các nội dung của Dự thảo Đề án

193/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bố trí dân các các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, xung yếu và rất xung yếu của rừng phòng hộ, khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng giai đoạn 2006-2010 và định hướng đến 2015; Quyết định số 78/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 193/2006/QĐ-TTg; Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn; Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở ...Các chính sách hỗ trợ nói trên đã thực sự đi vào cuộc sống và mang lại hiệu quả rõ rệt, có ý nghĩa tổng hợp về chính trị, kinh tế, xã hội, được sự đồng tình và ủng hộ rộng rãi của các tầng lớp nhân dân. Các hộ thuộc diện đối tượng được hỗ trợ nhà ở theo các chính sách trên đã có nhà ở an toàn, chống được tác động của thiên tai lũ, lụt, đảm bảo điều kiện sinh hoạt ổn định. Kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đã góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo và đảm bảo an sinh xã hội. Tuy nhiên theo các chính sách hiện hành chưa có chính sách áp dụng riêng, phù hợp đặc điểm thiên tai lũ lụt miền Trung có nhiều khác biệt so

với các vùng khác như lũ về nhanh, cường độ mạnh, độ sâu ngập lụt lớn, nên ngoài căn nhà chắc chắn, người dân trong khu vực cần có căn nhà có cao độ vượt lũ để có thể ở trong thời gian ngập lũ.

Đề án đã đề xuất 2 giải pháp cấp bách nhưng có hiệu quả lâu dài nhằm nâng cao điều kiện an toàn có các hộ dân trong vùng có lũ, lụt, bao gồm: Giải pháp bố trí, ổn định theo hình thức tái định cư tập trung hoặc xen ghép theo quy hoạch đối với hộ gia đình trong khu vực bị lũ ống, lũ quét, sạt lở, sụt lún đất hoặc ngập sâu; Giải pháp nâng cao điều kiện an toàn cho các hộ dân trong vùng thường xuyên bị thiên tai lũ, lụt. Đối với giải pháp thứ hai, có thể áp dụng một số mô hình như: làm bè nổi tránh lũ; làm gác lửng trong nhà; xây dựng gian nhà ở kiên cố liền kề với căn nhà đang ở; xây dựng nhà ở kiên cố có chiều cao ở vượt lũ; xây dựng nhà cộng đồng kết hợp tránh lũ.

Dự thảo Đề án đề xuất Nhà nước ban hành một số cơ chế chính sách hỗ trợ phù hợp cho các địa phương, các hộ gia đình có điều kiện khó khăn để nâng cao điều kiện an toàn nhà ở, đảm bảo người dân có cuộc sống an toàn, ổn định trong điều kiện có lũ lụt; Thực hiện phương châm "Nhà nước hỗ trợ, cộng đồng giúp đỡ, hộ gia đình tham gia đóng góp và tự xây dựng nhà ở".

Theo đề xuất của Dự thảo Đề án, các địa phương xây dựng nhà cộng đồng kết hợp tránh lũ tại các cụm dân cư thôn, bản được hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, tùy điều kiện cụ thể, các tỉnh, thành phố hỗ trợ thêm từ ngân sách địa phương. Đối với hộ nghèo (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015) thuộc đối tượng quy định: được hỗ trợ 10 triệu đồng/hộ từ ngân sách Trung ương và 5 triệu đồng/hộ từ ngân sách địa phương, được vay vốn ưu đãi từ Ngân hàng chính sách xã hội với mức 15 triệu đồng/hộ. Đối với hộ cận nghèo được hỗ trợ 8 triệu đồng/hộ từ ngân sách Trung ương và 4 triệu đồng/hộ từ ngân sách địa phương, được



Toàn cảnh Hội thảo

vay vốn ưu đãi từ Ngân hàng chính sách xã hội với mức 15 triệu đồng/hộ. Đối với các hộ thuộc đối tượng còn lại được vay vốn ưu đãi từ Ngân hàng chính sách xã hội nếu có nhu cầu vay, với mức tối đa 15 triệu đồng/hộ. Thời gian thực hiện Đề án dự kiến trong giai đoạn 2011-2015.

Đóng góp ý kiến cho Dự thảo Đề án, các đại biểu đại diện các địa phương đề nghị Đề án cần phân tích cụ thể hơn đến đặc điểm lũ lụt miền Trung thường đi kèm với mưa, bão, gió lốc. Tính ảnh hưởng của thiên tai cũng đặc thù với các khu vực: ven biển, ven sông, vùng miền núi... để từ đó xây dựng các giải pháp quy hoạch, kỹ thuật cũng như chính sách hỗ trợ phù hợp cho từng khu vực. Đại biểu các Bộ, ngành nhìn chung đều ủng hộ và cho rằng việc thực hiện Đề án này là cần thiết, và đồng tình với các giải pháp mà dự thảo đề án đưa ra, trong đó giải pháp huy động sự tham gia của cộng đồng và người thụ hưởng là căn bản. Việc thiết kế mẫu nhà nên giao cho các địa phương, căn cứ vào điều kiện thực tế để thiết kế mẫu nhà phù hợp, đáp ứng được yêu cầu phòng chống bão, lũ.

Phát biểu kết luận Hội thảo, Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam đánh giá cao những ý kiến đóng góp cho Dự thảo Đề án của đại diện các Bộ, Ngành và các địa phương. Bộ Xây dựng và Cơ quan soạn thảo sẽ tiếp thu và nghiên cứu bổ sung để hoàn thiện Đề án trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt.

Minh Tuấn

Hội thảo tham vấn và hỗ trợ kỹ thuật cho Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

Ngày 8/3/2011 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng - Cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo Trung ương về chính sách nhà ở và thị trường bất động sản đã phối hợp với Chương trình định cư con người Liên Hợp Quốc (UN-Habitat) tổ chức Hội thảo Tham vấn và hỗ trợ kỹ thuật cho Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 với sự tham gia của đại diện của các Bộ ngành trung ương và các địa phương, các tổ chức quốc tế và nhiều quốc gia, các hội và hiệp hội chuyên ngành xây dựng.

Mục tiêu của chiến lược là đến năm 2020 đáp ứng cơ bản nhu cầu nhà ở phù hợp với điều kiện kinh tế của đất nước và từng cá nhân, hộ gia đình; nâng diện tích nhà ở bình quân đầu người cả nước đạt 25m² sàn/người, tối thiểu đạt 8m² sàn/người. Đến năm 2030, khoảng cách về chất lượng nhà ở tại khu vực nông thôn với khu vực thành thị được thu hẹp, hướng tới chất lượng xây dựng và tiện nghi nhà ở tại khu vực nông thôn tương đương với khu vực đô thị.

Mục tiêu phấn đấu là đến năm 2030, diện tích nhà ở bình quân toàn quốc đạt 30m² sàn/người.

Nhà ở là một tài sản lớn có giá trị của mỗi cá nhân, gia đình và đó là một trong những động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia. Có chỗ ở thích hợp và an toàn là một quyền cơ bản của con người, là nhu cầu chính đáng của mỗi hộ gia đình và là điều kiện cần thiết để phát triển nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Từ sau Cách mạng tháng Tám 1945, Nhà nước ta đã rất quan tâm giải quyết vấn đề nhà ở của nhân dân. Trong từng giai đoạn khác nhau, Nhà nước đã có những chính sách thay đổi phù hợp như chính sách bao cấp nhà ở, rồi sau đó là chính sách xoá bao cấp nhà ở chuyển



Đoàn Chủ tịch Hội thảo

sang tạo điều kiện về nhà ở trong nền kinh tế thị trường theo đường lối đổi mới giai đoạn 1991 - 2000 và giai đoạn 2001 - 2010 Quốc hội ban hành các luật và Chính phủ ban hành các văn bản dưới luật để hoàn thiện thể chế thị trường liên quan đến phát triển nhà ở và chính sách trợ giúp một số đối tượng gặp khó khăn nhà ở. Kết quả là lĩnh vực nhà ở đã đạt được những thành quả đáng khích lệ như tăng trưởng về cả số lượng, chất lượng và diện tích nhà ở và quy mô các căn hộ.

Tuy nhiên trong quá trình triển khai thực hiện vẫn còn nhiều tồn tại, bất cập về cơ chế, chính sách phát triển nhà ở; sự thiếu đồng bộ giữa các chính sách về nhà ở với các chính sách về đất đai, đầu tư, quy hoạch và tài chính; giá nhà ở tăng cao; mất cân đối về tỷ trọng các loại nhà ở; điều kiện ở của các nhóm cư dân đô thị ngày càng chênh lệch cao; sự thiếu đồng bộ trong chính sách xây dựng nhà ở tại khu vực nông thôn; mô hình tổ chức phát triển nhà ở chưa đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ CNH, HĐH đất nước; hệ thống tài chính nhà ở còn thiếu đồng bộ; thủ tục hành chính trong lĩnh vực nhà ở còn rườm rà, phức tạp; công tác chỉ đạo thực hiện một số chương trình, chính sách về nhà ở còn nhiều tồn tại; cơ cấu, bộ máy tổ chức quản

lý về nhà ở còn nhiều hạn chế; việc kiểm tra, thanh tra và xử lý hành chính vi phạm pháp luật về nhà ở còn chưa được thực hiện thường xuyên và triệt để.

Nhìn nhận được những thách thức và cơ hội trong phát triển nhà ở, Bộ Xây dựng đã phối hợp với các Bộ và cơ quan chuyên ngành khác tiến hành nghiên cứu xây dựng “Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030” làm cơ sở cho việc hoạch định các chính sách và chương trình nhà ở quốc gia. Bộ Xây dựng cũng đã đề nghị Chương trình định cư con người Liên Hợp Quốc (UN-HABITAT) tham gia đóng góp ý kiến và hỗ trợ kỹ thuật cho Chiến lược, đặc biệt vấn đề nhà ở cho người thu nhập thấp. Bộ Xây dựng nhận định rằng việc nghiên cứu sâu về hồ sơ nhà ở là rất cần thiết để xác định các thách thức và cơ hội trong phát triển và cải tạo nhà ở tại Việt Nam. Ngoài ra, việc xây dựng năng lực cho các nhà hoạch định chính sách ở cả cấp trung ương và địa phương cũng có ý nghĩa quan trọng trong việc cải thiện công tác lập chính sách nhà ở.

Tại Hội thảo các chuyên gia nhà ở của UN-HABITAT đã trình bày kinh nghiệm xây dựng chính sách nhà ở quốc gia, đặc biệt ở các nước khu vực châu Á - Thái Bình Dương, cung cấp cho Bộ Xây dựng và Văn phòng Ban chỉ đạo Trung ương về Chính sách nhà ở và thị trường bất động sản Bộ sách hướng dẫn nhanh về “Nhà ở cho người nghèo ở các thành phố châu Á” nhằm chia sẻ kinh nghiệm quốc tế về xây dựng và thực hiện chiến lược nhà ở vì người nghèo có sự tham gia của các bên liên quan.

Một vài quốc gia đã tiến hành việc xây dựng chiến lược nhà ở quốc gia trong suốt giai đoạn từ năm 1984 đến năm 1988 với sự trợ giúp của các nhà tài trợ và như một phần của việc chuẩn bị cho Năm quốc tế về Nhà ở cho người vô gia cư, năm 1987. Các kinh nghiệm xây dựng chiến lược nhà ở quốc gia tại 4 quốc gia là Barbados, Jamaica, Kenya và Zimbabwe cũng như kinh nghiệm của Indonesia và Jordan đã được các

chuyên gia của UN-HABITAT trình bày trong báo cáo tại Hội thảo với nhan đề Xây dựng chiến lược nhà ở quốc gia: Các bài học từ 4 quốc gia. Báo cáo giới thiệu các bài học kinh nghiệm với 2 nội dung chính là: Tính hiệu quả của các cách thức thay thế mà các quốc gia có thể tổ chức các chương trình xây dựng chiến lược của họ và Loại hình hỗ trợ của nhà tài trợ có hiệu quả nhất và các điều kiện để có thể sử dụng một cách có ích loại hình này.

Bộ sách Hướng dẫn nhanh về “Nhà ở cho người nghèo ở các thành phố châu Á” gồm có 7 cuốn với các nội dung: Đô thị hoá: Vai trò của người nghèo trong phát triển đô thị; Nhà ở thu nhập thấp: các cách tiếp cận giúp người nghèo đô thị tìm nơi ở phù hợp; Đất đai: Nhân tố quan trọng giải quyết vấn đề nhà ở cho dân nghèo thành thị; Trục xuất thu hồi đất: Những giải pháp thay thế cho sự phá huỷ toàn bộ các cộng đồng nghèo ở đô thị; Tài chính nhà ở: Các cách giúp dân nghèo trang trải chi phí nhà ở; Những tổ chức dựa vào cộng đồng: Người nghèo với tư cách là tác nhân phát triển; Nhà cho thuê: Giải pháp nhà ở cho người nghèo ít được quan tâm.

Nhóm tư vấn dự án của UN-HABITAT trình bày các báo cáo tham luận với nội dung đánh giá ban đầu về Hồ sơ Nhà ở đô thị Việt Nam. Nghiên cứu Hồ sơ nhà ở đô thị là một trong những chương trình nghiên cứu được UN-HABITAT triển khai thực hiện với sự trợ giúp của Trung tâm nghiên cứu phát triển quốc tế (IDCR). Những quốc gia đang áp dụng cách tiếp cận mới này gồm có Senegal, Tunisia, Uganda, Malawi, Srilanka và Việt Nam. Báo cáo tham luận của nhóm tư vấn dự án đề cập đến các chủ đề: Phân tích khung chính sách và thể chế; tài chính và thị trường nhà ở; cơ sở hạ tầng và các dịch vụ đô thị cho nhà ở; hệ thống cung cấp đất đai; công nghiệp xây dựng và vật liệu xây dựng cho nhà ở, nhằm đóng góp ý kiến cho Chiến lược, ngoài ra các đại biểu dự Hội thảo đã góp ý và thảo luận với Tổ biên tập để hoàn thiện dự thảo Chiến lược.

Sau Hội thảo này Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 sẽ được hoàn thiện hơn làm cơ sở pháp lý để Nhà nước có các chủ trương, chính sách phù hợp thúc đẩy phát triển lĩnh vực nhà ở, thực hiện

tốt chính sách an sinh của Đảng và Nhà nước và công cuộc hiện đại hoá trong giai đoạn tới.

Huỳnh Phước

Mô hình phát triển khu chức năng nghỉ dưỡng của vùng Xa ma ra (Nga)

Dự báo phát triển chức năng nghỉ dưỡng tại những nơi có quy mô rộng lớn nằm trong sơ đồ quy hoạch vùng của các chủ thể của CHLB Nga. Các nguyên tắc quy hoạch chiến lược được tập thể tác giả trường Đại học Xây dựng kiến trúc quốc gia tỉnh Xa ma ra nghiên cứu để áp dụng vào các điều kiện cụ thể của tỉnh, nằm trong chương mục “Nghỉ ngơi và du lịch, bảo tồn và sử dụng các di sản lịch sử - văn hoá vùng” của đồ án quy hoạch lãnh thổ Xa ma ra.

Về cơ bản chương mục này giới thiệu những nét lịch sử văn hoá cốt lõi của vùng Xa ma ra. Dự báo việc khai thác tiềm năng của vùng được xây dựng ngoài các điều kiện của hệ thống phân bố dân cư và lần lượt được kết hợp với hệ thống các khu vực có tiềm năng nghỉ ngơi du lịch như sau:

- Trong phạm vi đô thị, nơi tập trung cao các nhu cầu nghỉ dưỡng;
- Các khu vực dọc theo trục dân cư chính và có hệ thống giao thông tốt;
- Các khu vực có sự bảo tồn đặc biệt đối với phần diện tích thiên nhiên có giá trị lịch sử (các công viên quốc gia);
- Các khu vực nằm trên trục phân bố thứ phát;
- Các khu vực ở xa;

Tuy nhiên, trình tự khai thác nguồn tài nguyên trên có thể thay đổi. Những khu vực xa trung tâm đương nhiên sở hữu nguồn dự trữ các giá trị văn hoá ít hơn. Trong trường hợp này để phát triển du lịch cần khôi phục lại các “điểm huyền thoại”. Chuyên mục này hướng tới khả năng tăng trưởng, trước tiên của các khu dân cư

nhỏ - những cái nôi văn hoá dân gian của vùng, với những tập quán sẵn có và không có đôn bầy nào khác cho sự phát triển trong tương lai. (T.V. Vavylonskaya, “Chiến lược cách tân không gian lịch sử kiến trúc”, 2008). Chuyên mục này thể hiện tiềm năng văn hoá - lịch sử và tiềm năng về cảnh quan thiên nhiên một cách tổng thể, đưa ra những phân tích tổng hợp, đề cập tới các vấn đề phát triển vùng. Trong phần thiết kế xác định các khu vực dân cư theo quy hoạch và diện tích của tổ hợp du lịch - nghỉ dưỡng của vùng.

Trong phần khôi phục chức năng nghỉ dưỡng của Xa ma ra nêu rõ các nhiệm vụ cơ bản của sơ đồ quy hoạch vùng trong lĩnh vực bảo vệ các di tích tại các khu danh lam thắng cảnh của các khu vực mang nét lịch sử và có hướng phát triển thành khu nghỉ dưỡng. Trong các nhiệm vụ đó có việc xây dựng mô hình phát triển chức năng du lịch - nghỉ dưỡng trên cơ sở các di sản, quan tâm hơn tới vấn đề của các đô thị nhỏ và không gian làng quê, sử dụng các ngành nghề truyền thống, các nghề thủ công dân gian như một yếu tố về cơ cấu hình thái phát triển của các khu vực “ít triển vọng”.

Không gian lịch sử kiến trúc cùng với các công trình có cảnh quan thiên nhiên luôn được xem như tiềm năng phát triển tổ hợp nghỉ dưỡng của vùng. Các nguồn tài nguyên phục vụ cho việc nghỉ ngơi đó có thể phân chia theo các điểm, các mảng và các tuyến. Các công trình có cảnh quan thiên nhiên xếp vào loại các điểm gồm có các di sản thiên nhiên riêng lẻ, các khu trị liệu thủy lý; xếp vào loại khu vực gồm các vườn quốc gia, rừng cấm; xếp vào các

tuyến gồm các khu vực dọc các con sông lớn (trong khoảng 7-10 km cách các nhánh sông).

Tiềm năng văn hoá lịch sử của vùng còn gồm các nhà máy công nghiệp, cối xay gió, các cửa hàng, trường học, bệnh viện, tu viện, nhà thờ...(các điểm), các bộ tộc thiểu số, làng nghề truyền thống, thủ công dân gian (mảng), tuyến đường sắt (các tuyến). Ngoài ra, tiềm năng lịch sử văn hoá có thể có sự khác biệt về mặt lịch sử. Ở vùng Xa ma ra các di tích văn hoá lịch sử mang tính chất cố định, không dịch chuyển được xếp vào loại mới, còn các di tích khảo cổ học được xếp vào loại cổ hơn.

Để phân loại các tiềm năng của vùng cần có sự đánh giá khác nhau nhằm xác định các điểm dân cư mà trong phạm vi đó lĩnh vực du lịch - nghỉ dưỡng được coi như một trong những phương hướng phát triển kinh tế được ưu tiên của vùng. Các đánh giá về tiềm năng này được xây dựng theo một loạt quy tắc chính là cơ sở hình thành tính năng nghỉ dưỡng của vùng. Định hướng ưu tiên phát triển vùng thành khu nghỉ dưỡng sẽ xác định nguồn khách du lịch theo các tuyến trong tương lai.

Từ kết quả của việc đánh giá các di sản văn hoá theo các khu vực nằm trong sự quản lý của vùng Xa ma ra sẽ có các khu vực có tiềm năng văn hoá lịch sử khác nhau, từ thấp đến cao. Ở những khu vực có tiềm năng thấp cần đặc biệt chú ý phát triển du lịch - nghỉ dưỡng của vùng dựa vào các công trình tổ hợp thiên nhiên. Vị trí các di tích trong vùng luôn có tính chất hình học, được làm nổi bật hơn bởi các đặc điểm khí hậu thiên nhiên và cảnh quan xung quanh. Ở Xa ma ra, khu vực có tiềm năng lớn nhất về lịch sử văn hoá là khu vực trung tâm, xa hơn về phía bắc và phía nam là những khu vực có tiềm năng vừa, khu vực ngoại vi là khu vực có tiềm năng thấp nhất.

“Bức tranh” tiềm năng phát triển thành khu nghỉ dưỡng được kiểm nghiệm bằng các nghiên cứu xã hội, mà kết quả chính là việc thiết lập “trục nghỉ dưỡng ảo của vùng”. Bằng cách đó, công tác thăm dò xã hội được tiến hành ở các

đô thị lớn trong vùng cho phép xác định các khu vực có sức cuốn hút về du lịch và có khả năng hoạt động thỏa mãn nhu cầu nghỉ dưỡng của du khách.

Việc phân tích tổng hợp tiềm năng nghỉ dưỡng của vùng trong sơ đồ quy hoạch lãnh thổ vùng giúp ta xác định rõ hướng sử dụng cơ bản các tiềm năng này trong tương lai. Những quy tắc đưa các hình thức di sản khác nhau vào chức năng sử dụng hiện đại như sau là khả thi:

- Các di chỉ khảo cổ cố định trong quy mô toàn vùng được sử dụng như các khu trưng bày ở dạng nguyên thủy;

- Các di sản văn hoá lịch sử cố định có khả năng biến thành các điểm dừng trên toàn tuyến du lịch; các bảo tàng, khu thương mại dịch vụ, đóng vai trò là các khu trưng bày đáp ứng nhu cầu mua sắm, gắn liền hoặc không gắn liền với việc phục vụ cho tuyến du lịch;

- Các hạng mục xếp vào loại mảng, có thể tính tới các địa điểm lịch sử đáng nhớ;

- Các hạng mục xếp vào loại tuyến, như các tuyến đường cũ, tuyến đường sắt liên kết các khu dân cư với nhau, bảo tồn các di sản văn hoá lịch sử và phục vụ cho tuyến du lịch.

Phần lớn các đô thị mang nét lịch sử đã hoạt động trong lĩnh vực du lịch. Kết quả kém khả quan hơn đối với vùng nông thôn. Tới nay tiềm năng các di sản văn hoá lịch sử của khu vực này mới chỉ ở dạng tiềm tàng, chưa được khai thác trong khi ngành du lịch của vùng đang có đà tăng trưởng.

Những xí nghiệp, mỏ tự phát hiện tại có thể giải bài toán của một loạt các hạng mục - di tích bỏ hoang tại các khu vực tập trung các ngành nghề thủ công hiện đại hoặc truyền thống theo hướng tổ chức các nhà xưởng với trang thiết bị chuyên dụng, các khoá học nghệ thuật dân gian và các khu phức hợp giải trí - du lịch. Theo kinh nghiệm của các quốc gia văn minh trên thế giới, vị trí di sản văn hoá lịch sử trong phạm vi vùng cần được gắn các biển báo.

Các khu dân cư có pháo đài thành cổ bao

quanh bảo vệ có thể trở thành nơi trưng bày các di chỉ khảo cổ. Có thể tổ chức các khu cắm trại “ mang tâm hồn thời đại “ bên cạnh các khu di tích. Việc nghỉ ngơi được hình thành trên sự giao hoà giữa các tuyến tham quan - tìm hiểu tại các khu di chỉ khảo cổ và các điểm dừng ngắn hạn “ mang tâm hồn thời đại” tại các khu vực di tích trong các đô thị (các trung tâm tạo hình thái văn hoá lịch sử).

Xây dựng các bảo tàng - vườn quốc gia trên cơ sở các vùng miền mang tính lịch sử và các tổ hợp kiến trúc - xây dựng đô thị là tiếp nối mục đích tôn vinh các di sản và các khu di tích văn hoá lịch sử. Điều này mở ra khả năng bảo tồn các công năng trước đây của chúng và khả năng liên kết với du lịch - nghỉ dưỡng.

Phần thiết kế cho mục “ Nghỉ ngơi và du lịch, bảo tồn và sử dụng di sản văn hoá lịch sử của vùng” giới thiệu mô hình dự báo phát triển vùng, xuất phát từ sự phân tích các tình huống đặt ra, và có nội dung như sau:

- Định hướng cơ bản của quy hoạch chiến lược (danh sách người, đơn vị có nhu cầu đối với dịch vụ nghỉ dưỡng; định hướng phát triển được ưu tiên trong lĩnh vực du lịch nghỉ dưỡng; các hoạt động nghỉ dưỡng, trong đó có các bảo tàng - vườn quốc gia, các khu làng nghề thủ công, các khu trưng bày, khu kinh tế có tính chất du lịch nghỉ dưỡng);

- Quy hoạch mạng lưới các trung tâm du lịch nghỉ dưỡng chuyên nghiệp được xếp hạng nhất định trong vùng;

- Dự báo sự phát triển các hoạt động nghỉ dưỡng nằm trong phạm vi vùng theo các hình thức du lịch khác nhau.

Trước hết có thể xác định người có nhu cầu cơ bản đối với dịch vụ nghỉ dưỡng (du lịch quốc tế hay nội địa). Thông thường, nhu cầu này rơi vào dân cư các khu đô thị lớn trong vùng, hoặc cư dân các khu vực lân cận.

Đa số các khu vực phát triển nghỉ dưỡng và du lịch được xác định bởi cơ cấu phân bố nằm dọc theo nhánh các con sông lớn nhỏ trong

vùng cũng như theo hướng các tuyến đường lịch sử hoặc kiên cố, như ở vùng Xamara Povolzh.

Các khu vực dân cư trong vùng du lịch tùy theo vị trí và vai trò được phân loại thành trung tâm du lịch và điểm du lịch. Trung tâm du lịch, với tổ hợp các điểm tham quan và hạ tầng dịch vụ, bao gồm:

- Các đô thị lớn và các khu dân cư mang giá trị lịch sử;

- Nơi tập trung các tòa nhà của trung tâm thông tin, quản lý các tuyến điểm du lịch;

- Nơi tập trung các ngành nghề thủ công dân gian, cùng với việc tổ chức các loại hình nghỉ ngơi, học nghề;

- Các khu an dưỡng, khu nghỉ mát quanh năm và ngắn ngày;

- Các khu bảo tồn quốc gia trong tình trạng nguyên sơ, mà bất cứ việc xây dựng nào tại đó cũng không nhằm phục dựng lại không gian lịch sử kiến trúc của nơi đó;

- Khu nghỉ dưỡng bên các công trình mang tính lịch sử hoặc các làng nghề dân gian;

Các điểm du lịch với đặc tính địa phương hơn so với các trung tâm du lịch gồm có:

- Các điểm tham quan, các điểm dân cư có các di tích lịch sử văn hoá và các di tích thiên nhiên được bảo tồn;

- Các điểm dừng - những nơi có tiềm năng du lịch phục vụ du khách lưu trú;

- Các điểm trung chuyển của du khách trên suốt tuyến du lịch, với hạ tầng dịch vụ phát triển (dịch vụ ăn uống, tổ chức các liên hoan nghệ thuật);

- Các cơ sở, các trạm nghiên cứu và giám sát dành cho việc nghiên cứu có hệ thống các di tích, di sản;

Trong mục “ Nghỉ ngơi và du lịch, bảo tồn và sử dụng các di sản lịch sử văn hoá của khu vực” của đồ án quy hoạch vùng có nêu: Các tuyến du lịch theo quy hoạch khác nhau về vị trí (đô thị, ngoại thành, vùng, liên vùng) và có triển vọng về du lịch. Những hình thức du lịch sau

đây được coi là có triển vọng ở tỉnh Xa ma ra:

- Du lịch sự kiện - liên hoan, hội thảo... gắn liền với các di tích có ý nghĩa văn học, lịch sử, dân tộc học, khảo cổ học và các sự kiện lịch sử;

- Du lịch trẻ em, hướng tới vấn đề nâng cao thể lực và phát triển của thể hệ trẻ, luôn đổi mới tính chất giải trí và tìm hiểu;

- Du lịch nghỉ dưỡng, đòi hỏi hạ tầng dịch vụ phát triển (các khu an dưỡng...);

- Du lịch thể thao, đòi hỏi sự phát triển cơ sở vật chất dành cho thể thao, hướng tới sự phát triển các môn thể thao mùa đông và loại hình nghỉ đông;

- Du lịch tôn giáo tới các tu viện, nhà thờ, các địa điểm tôn giáo;

- Du lịch văn hóa - học tập, gắn với việc tổ chức các tuyến tham quan du lịch tới các bảo tàng văn học lịch sử;

- Du lịch sinh thái với việc nghỉ ngơi cùng thiên nhiên tại các địa điểm có môi trường sinh thái trong lành cũng như còn duy trì được diện tích tự nhiên xác định "phong cách" ứng xử đặc biệt, thái độ gìn giữ bảo vệ thiên nhiên;

- Du lịch thương mại - hình thái du lịch được quan tâm nhiều hơn cả trên thế giới ngày nay, rất phù hợp với những người mê công việc, cho phép giải nhu cầu thoải mái và cần thiết (tổ chức họp báo, hội thảo, các cuộc thương thảo làm ăn, hội chợ triển lãm... kèm theo các chương trình văn hoá);

Mỗi khu vực tự trị trong vùng Xa ma ra đều vươn tới việc phát triển tiềm năng kinh tế đặc trưng của mình, trong đó có du lịch. Tiềm năng về lịch sử văn hóa của một số khu vực khá cao, trong khi ở các nơi khác lại thiên hơn về phát triển du lịch thiên nhiên. Có nơi đã có tiềm năng khởi đầu rất lớn, có nơi cần xây dựng những "điểm huyền thoại" để lôi kéo khách tham quan, và tất nhiên là cả các nhà đầu tư. Logic phát triển các hình thức du lịch khác nhau gắn với từng hình thái di tích có ở từng vùng miền.

Phần điều chỉnh của chương mục, với danh mục các biện pháp nhằm hiện thực hoá quy

hoạch có thể tóm tắt nội dung như sau:

- Phân loại theo thành phần tài nguyên phục vụ nghỉ dưỡng (các khu bờ sông hồ trong phạm vi đô thị và liên vùng, dọc theo các con sông lớn, các đảo...) như khu vực được khai thác lần đầu; quỹ đất dành cho việc phát triển nghỉ dưỡng (nhánh sông nhỏ, khu kè bờ của các hồ chứa nước nhân tạo) như các khu đất có tiềm năng khai thác trong tương lai; cảnh quan nhân tạo (vườn, đất vườn, các công trình công nghiệp có đất...), cảnh quan lịch sử (các miền được bảo tồn, các trung tâm lịch sử của vùng, các miền có giá trị lịch sử khảo cổ) như những khu vực bảo tồn với quy mô lớn; các khu vực có quy định đặc biệt về hoạt động kinh tế (khu đền bù ở những vùng sinh thái không thuận lợi hoặc quỹ đất dự trữ dành cho phát triển) như khu vực dành cho các định hướng mang tính chuyên môn.

- Mô hình khai thác tài nguyên phục vụ mục đích nghỉ dưỡng được thành hình trên sự lấn chiếm của diện tích đô thị (V.A. Xaxnóvskiy, "Các phương pháp ứng dụng trong nghiên cứu xây dựng đô thị", 2006) khi thị dân được xem như người có nhu cầu cơ bản về dịch vụ nghỉ dưỡng, và mô hình này đòi hỏi sự tách biệt vị trí các nơi diễn ra hoạt động nghỉ dưỡng để phát triển việc nghỉ ngơi quanh năm; nghỉ trong các ngày nghỉ và phát triển du lịch sinh thái;

- Nghỉ dưỡng theo từng khu vực trong vùng (E.A. Akhmedova, "Cảnh quan vùng: Lịch sử, sinh thái, cấu tạo", 1991), nơi có những hình thức du lịch có triển vọng và các tuyến du lịch có thể khai thác, những định hướng theo quy hoạch đối với việc chuyên môn hoá lĩnh vực nghỉ dưỡng;

- Quy định các hoạt động kinh tế trên cơ sở mở rộng các khu nghỉ dưỡng (với các vùng có hoạt động nghỉ dưỡng nhằm đến triển vọng gần có thể đưa ra vấn đề nâng cấp các hoạt động dịch vụ và hoạt động quản lý khách sạn, cải thiện chất lượng phục vụ theo hình thức tổ chức nghỉ ngơi, trong đó có việc tham quan; đối với quỹ đất trước tiên dành cho việc khai thác hoạt

động nghỉ dưỡng trực tiếp liên quan tới những người có nhu cầu nghỉ dưỡng có thể thấy trước việc xây dựng các công trình mới dành cho hoạt động này nhằm đến triển vọng tầm vừa; đối với quỹ đất có triển vọng khai thác về lâu dài và nằm xa trục giao thông của các đô thị lớn, vừa và nhỏ thì cần đợi một giải pháp chậm hơn trên thị trường dịch vụ nghỉ dưỡng).

Trong phần định chế, các hình thức hoạt động như hoạt động xây dựng ở các kè bờ được bảo vệ và các khu vực chứa nước, hoạt động nghỉ ngơi tự phát cũng như việc xây dựng các khu nghỉ trong không gian cảnh quan có giá trị cũng được giới hạn (trên diện tích các công viên quốc gia, các đảo...)

Các biện pháp phát triển tổ hợp phục vụ nghỉ dưỡng của các khu vực trong sơ đồ quy hoạch vùng theo thời gian thực hiện thường tính đến triển vọng gần (5 năm), vừa (10 năm) và về lâu dài (25 năm). Đối với vùng Xa ma ra các biện pháp thường liên quan tới các vấn đề sau:

- Vùng tài nguyên có giá trị lịch sử văn hóa (thu hút đầu tư dựa trên sự phát triển du lịch ở các vùng miền nói chung, trong đó có phần tu bổ, xây các khu trung bày có quy mô lớn toàn vùng, lập mạng lưới các trung tâm thông tin, tiến hành việc đặt biển chỉ dẫn tới các công trình di tích văn hoá...);

- Hạ tầng dịch vụ du lịch (phát triển du lịch thương mại, du lịch kết hợp công việc trên cơ sở kinh tế trang trại, cùng với việc xây dựng các trung tâm huấn luyện và thực nghiệm; bổ sung mạng lưới các công trình dịch vụ...);

- Các hình thức và biện pháp chuyển đổi (các trung tâm thông tin được bố trí gần địa điểm tham quan, quỹ đất của các công trình

phục vụ du lịch tại chỗ (nhà trọ, khu cắm trại, trại nuôi ngựa giống tại khu quy hoạch làm trường đua ngựa...);

Nghiên cứu phác thảo kế hoạch cho các khu du lịch thường vượt ra ngoài phạm vi sơ đồ quy hoạch vùng, và thường được giải quyết ở mức độ tiến tới của các bản thiết kế toàn vùng. Trong cơ cấu các thiết kế và chương trình có thể xem xét từng giai đoạn sau:

- Nghiên cứu chiến lược phát triển (phác thảo và dự toán theo các tuyến du lịch, mời tu bổ mạng lưới giao thông, xây các hạng mục hạ tầng dịch vụ...);

- Nghiên cứu tổ hợp du lịch (kế hoạch tổng thể, phác thảo thiết kế từng hạng mục và công trình, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và trình tự công việc);

- Lập các luận chứng kinh tế kỹ thuật;

- Lập luận chứng về sinh thái với từng giai đoạn hiện thực các thiết kế và chương trình được chuẩn bị sẵn;

Tóm lại, mô hình triển khai các chức năng nghỉ dưỡng phù hợp với điều kiện của tỉnh Xa ma ra rất thuận lợi từ vị trí quản lý chính sách đầu tư trong việc phát triển hai lĩnh vực nghỉ dưỡng và du lịch. Các quy tắc đánh giá tài nguyên nghỉ dưỡng của vùng mang tính xã hội và có hệ thống vững chắc cho phép hình dung một cách đầy đủ hơn quy trình sử dụng các nguồn tài nguyên này trong tương lai./.

Vavylonskaya T.V

Nguồn: Tạp chí Kiến trúc và xây dựng Nga, số 10/2009

ND: Nguyễn Thị Lệ Minh

Thiết kế cảnh quan đường vào thành phố

Đường vào thành phố hay còn gọi là cửa ngõ của thành phố, con đường ấy thường nằm ở ngoại ô, kết nối giữa đô thị và nông thôn, là cánh cửa để thành phố liên kết với bên ngoài.

Cùng với sự phát triển của nền khoa học hiện đại, ngành công nghiệp, ngành khoa học nhân văn, xu hướng mở rộng thành phố trên quy mô lớn, lối vào thành phố đã chiếm một phần khá

quan trọng. Vì cảnh quan nằm ở hai bên lối vào có sự ảnh hưởng rất lớn tới hình tượng của thành phố, nên phạm vi của nó cũng phải được mở rộng và nâng cấp. Nhưng việc xây dựng cảnh quan ở lối vào thành phố từ lâu không nhận được sự quan tâm đúng mức, thậm chí ngay cả trong xây dựng thành phố nó chỉ được xem như là công việc trang trí ngoài lề.

Lối vào thành phố phần lớn nối liền với các đường giao thông từ ngoại ô, nên việc phân loại cảnh quan cũng phải dựa vào chức năng của từng con đường, do đó, thiết kế cảnh quan đường đã chiếm vị trí chủ đạo trong thiết kế cảnh quan lối vào thành phố. Mục đích của việc thiết kế cảnh quan là cải thiện hình ảnh và hình dáng của thành phố, thông qua việc quy hoạch cây xanh, đường giao thông, các tiểu cảnh về môi trường và kiến trúc, sẽ giúp người dân lưu thông thuận lợi và tôn thêm nét đẹp cho thành phố.

I. Chức năng cảnh quan đường vào thành phố

1. Đường vào thành phố phải thể hiện được tính khác biệt

Khi mới đến một thành phố, bất luận là bạn biết về thành phố đó nhiều hay ít, thì trên đường vào thành phố cái đầu tiên sẽ gây ấn tượng với bạn đó là cấu trúc cảnh quan của thành phố đó. Thông qua bố cục không gian cảnh quan, hình dáng, phong cách diện mạo, cấu trúc môi trường... bạn sẽ hiểu rõ hơn nét đặc sắc về văn hoá, địa lý, phong cách của thành phố, vì vậy, cần chú trọng tới thiết kế cảnh quan đường vào thành phố, bởi nó không những mang đến vẻ đẹp mà còn mang lại lợi ích và phát triển cho thành phố đó.

2. Đường vào thành phố phải mang tính chất lịch sử

Trong cả một thời gian dài phát triển và có nhiều diễn biến, thành phố đã hình thành nên nét văn hoá độc đáo riêng. Một số con đường được hình thành đại diện cho thời kỳ lịch sử, mang trên mình kết cấu và cách thức quyết định đến trạng thái phát triển cả thành phố và

hình thành nên bố cục cảnh quan độc đáo bao quanh đường vào thành phố. Cho dù thành phố đó có hình thức ra sao, thì những người sống ở đây đều sẽ có những liên tưởng về cả một thời kỳ đã qua, có thể nói đường vào thành phố còn phản ánh quá trình phát triển của thành phố, ghi nhận lại cả một sự kiện lịch sử quan trọng và bao hàm cả nét văn hoá của thành phố.

3. Sự thay đổi của đường vào thành phố

Để trở thành thành phố cần phải có một quá trình phát triển liên tục, nên lối vào thành phố cũng thay đổi tùy theo vào cảnh quan của thành phố đó. Do đó, khi thiết kế cảnh quan đường vào thành phố, thứ nhất phải căn cứ vào những thay đổi từ không gian, sự không ngừng mở rộng của thành phố và thay đổi vị trí, địa điểm đường vào thành phố, thứ 2 là căn cứ vào quá trình phát triển theo thời gian, xu hướng thẩm mỹ của con người và nhu cầu đổi mới cảnh quan đường vào thành phố.

4. Tính phức tạp của đường vào thành phố

Đường vào thành phố bao gồm hai chức năng có lợi và bất lợi cho thành phố. Bởi đường vào thành phố thường xây dựng các khu dân cư, nhà máy, đầu mút giao thông quan trọng, khu tập kết thương mại, đồng ruộng, đồi núi, đất hoang, chính những khu vực này đã tạo ra tính phức tạp khi xây dựng cảnh quan đường vào thành phố. Trong quá trình phát triển lên thành phố, khu dân cư tập trung đầy đủ cả ruộng đồng, đồi núi, nên sự phát triển không gian gặp phải không ít khó khăn và phức tạp, nên người ta đã phải kết hợp nhiều phương thức với nhau để hình thành nên cảnh quan đường vào thành phố.

II. Phương pháp thiết kế cảnh quan đường vào thành phố

1. Thiết kế cảnh quan cho từng loại đường

Đường vào thành phố thường được thiết kế theo đường thẳng và đường cong. Đối với đường thẳng, cần căn cứ vào việc thiết kế tốc độ theo quy định mà thiết kế cảnh quan cho hai

bên đường, khi thiết kế phải tận dụng cảnh đẹp từ xa để làm nổi bật lên nét đẹp cảnh quan vùng đó. Đối với thiết kế đường cong, phải thiết kế cảnh quan theo phương pháp thay đổi liên tục, như vậy để người điều khiển phương tiện sẽ được chiêm ngưỡng sự đa dạng về cảnh quan ở hai bên đường. Thiết kế cảnh quan xuất hiện và biến mất phải có trình tự, phải phụ thuộc vào quy định tốc độ cho các phương tiện trên đường, nếu không sẽ làm ảnh hưởng tới cách nhịp và nhịp điệu trên đường.

2. So sánh

Vận dụng phương pháp so sánh để bố trí cảnh quan, làm sao để nâng cao giác quan nhận thức của người điều khiển phương tiện giao thông đi trên đường dẫn vào thành phố. Phương pháp so sánh có rất nhiều loại: so sánh giữa cao và thấp, có thể nhấn mạnh những nét đặc trưng của cảnh vật; So sánh về màu sắc sẽ làm tăng thêm tâm trạng hứng thú dọc theo đường đi; So sánh về không gian, từ không gian nhỏ dần dần mở ra một không gian lớn, tạo cảm giác thư giãn đối với người điều khiển phương tiện.

3. Chuyển đổi không gian

Trên thực tế đường vào thành phố chính là một sự chuyển tiếp giữa không gian nông thôn với không gian đô thị trong khu vực. Trong thiết kế, thông qua sự thay đổi giữa hai khu vực này tạo ra một mối liên hệ với nhau. Xác định các đặc điểm từ yếu đến mạnh của vùng thứ nhất, cho đến thuộc tính của vùng thứ 2, dần dần làm nổi bật nét đặc trưng của vùng thứ nhất và tính chất chiếm vị trí thống trị của vùng thứ 2. Trong quá trình thay đổi yêu cầu phải có sự thống nhất, các yếu tố cũng phải được nối tiếp từ vùng một cho tới vùng hai, việc mở rộng cũng phải từ nông thôn cho đến thành phố.

III. Các yếu tố thiết kế cảnh quan đường vào thành phố

1. Cây xanh trên đường vào thành phố

Khi thiết kế cây xanh trên đường, yêu cầu phải đáp ứng về cây trồng và thống nhất về thói quen sinh thái môi trường, nhưng đồng thời

cũng phải thông qua nguyên tắc nghệ thuật, thể hiện được vẻ đẹp của cây trồng và tính đa dạng và sự kết hợp có tính thẩm mỹ.

Khi trồng cây xanh trên đường vào thành phố, nên vận dụng phương pháp trồng đan xen như một bức tranh 3 chiều, như vậy mới có thể biểu đạt được hết hiệu quả, làm nổi bật được tính trình tự về không gian và thể hiện được tính lô gíc. Để bố trí cây xanh từ vùng ngoại ô vắng vẻ cho tới trung tâm thành phố sầm uất, cần lựa chọn phương pháp thay đổi dần dần, như vậy mới khiến người đi đường được thưởng thức sự thay đổi không gian liên tục. Việc trồng cây xanh trên đường vào thành phố phải phù hợp và thể hiện được hương vị phong cảnh được tạo ra từ bàn tay con người, với nhiều cấp độ và màu sắc, cấu trúc khác nhau, phương thức trồng cây phải hài hoà với môi trường xung quanh, càng gần với thành phố càng cần phải thể hiện được tính nghệ thuật, nếu xa với thành phố phải thể hiện được tính sinh thái tự nhiên. Đối với những loại cây trồng có cùng chủng loại cần lưu ý về mật độ và hiệu quả của chúng, như vậy mới có sự thống nhất khi thay đổi.

2. Thiết kế công trình công cộng trên đường vào thành phố

Trên đường vào thành phố phải có biển chỉ dẫn đường, bản đồ du lịch, bố trí điện thoại, hòm thư, nhà vệ sinh, hạ tầng giao thông, quảng cáo ngoài trời, tất cả được gọi chung là “công trình công cộng trên đường”. Nó là một nguyên tố không thể thiếu khi thiết kế cảnh quan đường vào thành phố, kết hợp với những yếu tố cảnh quan khác sẽ tạo nên nét đặc trưng và thể hiện được ý nghĩa văn hoá của thành phố.

Đặc điểm của đường là chỉ dẫn hướng đi cho người và xe, còn công trình công cộng trên đường là duy trì tính năng này, nhưng nó chiếm vị trí khá quan trọng, tạo nên sự phối hợp chặt chẽ với đường đi. Trên một dải đường liên tục như vậy cần tạo ra những khoảng trống ngắt quãng, vừa là tăng thêm sự hưng phấn, lại vừa có tính phân biệt được các khu vực, mặt khác

còn có tác dụng lắp đặt biển quảng cáo ngoài trời. Biển quảng cáo ngoài trời trên đường vào thành phố đã trở thành yếu tố quan trọng trong không gian cảnh quan thành phố. Khu vực đường vào là cửa ngõ của thành phố với lưu lượng giao thông qua lại rất đông, nhưng cũng là mảnh đất màu mỡ để các thương gia tận dụng kinh doanh. Quảng cáo ngoài trời là những kiến trúc với hình dáng tầm lớn, do nó có diện tích lớn như vậy nên rất dễ gây ảnh hưởng tới môi trường, nên khi thiết kế cảnh quan đường vào thành phố cần xem xét tới nội dung, lựa chọn màu sắc phù hợp và hài hòa với môi trường xung quanh. Để các tấm biển quảng cáo ngoài trời có sự phù hợp về màu sắc, trình tự và có sự phối hợp hài hòa, thì phải được hình thành một cách chỉnh thể, thống nhất và có hiệu quả gắn kết hình ảnh lại với nhau.

3. Thiết kế chiếu sáng đường vào thành phố

Cảnh quan đường vào thành phố sẽ để lại ấn tượng đầu tiên đối với người dân khi vào thành phố, nên khi thiết kế ánh sáng, cần tạo ra nhiều nét đặc sắc khác nhau, đồng thời kết hợp tính thẩm mỹ, mang đến cho thành phố một cảnh quan sôi động về đêm. Thứ nhất phải xem xét tới những thiết bị chiếu sáng về đêm và những con đường, bức tường sẽ được ánh đèn chiếu tới, thứ hai là phải xem xét tới thiết bị đèn và trụ đèn, làm sao phải phù hợp với môi trường. Thông thường khi lắp đặt ánh sáng, ban ngày nó không phát huy tính năng, nhưng đến khi trời tối, ánh sáng của đèn điện mới phát huy tính năng vượt trội, chức năng của ánh sáng sẽ làm cho đường vào thành phố về đêm mang khí chất độc đáo.

IV. Ví dụ thực tế khi thiết kế cảnh quan đường vào thành phố

Thành phố Mã Yên Sơn, tỉnh An Huy có lịch sử lâu đời, sau những năm 50 của thế kỷ 20, đây là một thành phố công nghiệp sắt thép, giao thông đường thủy, đường bộ và đường hàng không khá thuận lợi, là cửa ngõ quan

trọng cho sự phát triển ở hướng Đông.

1. Tổng quan dự án thiết kế

Thành phố Mã Yên Sơn có một môi trường sinh thái tốt, vị trí địa lý độc đáo, các dự án thiết kế đường bộ chủ yếu tập trung vào phía Đông của thành phố, có một đại lộ nối liền từ Đông sang Tây, phía Tây tiếp giáp với con đường chính tên Hồ Bắc thuộc khu vực thành phố, phía Đông là khu vực nổi tiếng về danh lam thắng cảnh, đồng thời nối liền với đường cao tốc Thang Đông, đi sân bay quốc tế Lộc Khẩu. Do đó, đại lộ vừa là con đường chính của thành phố, vừa là tuyến đường giao thông quan trọng nối thông với khu vực Nam Kinh, Tô Nam và Triết Giang. Tổng chiều dài của tuyến đường bộ này dài 6625m, cách lòng đường 30m, hai bên đường đều là cảnh quan cây xanh, diện tích cây xanh khoảng 390.000 m², diện tích thiết kế quy hoạch thực tế là 300.000 m², tổng mức vốn đầu tư cho công trình này vào khoảng 80 triệu NDT.

2. Phân tích hiện trạng

Đại lộ là con đường nối liền khu vực chính với danh lam thắng cảnh Bộc Đường, phía Bắc nhìn ra núi Cát Dương, phía Nam giáp núi Hoắc Lý, phía Tây đối diện với công viên Giai Sơn, phía Đông nối liền với khu danh lam thắng cảnh Bộc Đường; Có dòng sông Từ Hồ chảy qua, người ta sử dụng đất ở Phía tây, Nam và Bắc để xây dựng nhà ở, phía Đông của đường Đông Hoàn chủ yếu là đồng ruộng. Đất sử dụng ở hai bên đường quốc lộ phía Nam và Bắc có độ cao nhấp nhô, độ chênh lệch giữa trên và dưới tối đa đạt 6 - 7m, nên có ảnh hưởng lớn tới cấu trúc cảnh quan cây xanh.

3. Ý tưởng thiết kế

Tổng thể ý tưởng. Tôn trọng chức năng của thành phố, cải thiện môi trường, khai thác tài nguyên cảnh quan, phối hợp với quy hoạch tổng thể và xây dựng khu đô thị mới, tạo ra một cảnh quan đa dạng, môi trường sinh thái trong lành, với các chức năng hợp lý. Để cải thiện chất lượng môi trường, kích hoạt điểm nóng về

kinh tế, nâng cao hình ảnh dịch vụ của thành phố Mã Yên Sơn, phải tập trung vào hệ thống giao thông, cảnh quan, sinh thái tự nhiên của thành phố, đồng thời, đối với khu danh lam thắng cảnh phải bố trí cơ sở vật chất sao cho phù hợp với khu vực đó. Trong thiết kế, phải chú trọng tới 3 chức năng chính:

Một là, có chức năng liên kết các tuyến đường giao thông, phát huy đầy đủ các chức năng về tốc độ lưu thông

Hai là, có chức năng cảnh quan trên đại lộ của thành phố, làm sao để trở thành nơi chuyển tiếp cảnh quan giữa thành phố cũ và mới.

Ba là, chức năng của cây xanh, đảm bảo các chức năng cải thiện môi trường sinh thái của thành phố.

Do đó, khi thiết kế kết cấu tổng thể, người ta đã chọn đại lộ này làm trục chính, vành đai xanh nằm bao quanh trục chính, dọc tuyến đường bố trí các điểm du lịch, kết hợp chặt chẽ với phía Đông và phía Tây, hình thành nên một chuỗi cảnh quan. Trong mỗi nhóm cảnh quan đều do thực vật, hình tượng điêu khắc và các tiêu phẩm đặc sắc hình thành nên, ngoài ra còn có các trục đường mòn dành cho khách du lịch và các địa điểm cảnh quan nhỏ, tất cả đều hình thành nên vành đai cảnh quan của đô thị.

Thiết kế theo chiều dọc. Do đất sử dụng ở

hai bên đường quốc lộ phía Nam và Bắc có độ cao nhấp nhô, độ chênh lệch giữa trên và dưới tối đa đạt 6 - 7m, đây là những cản trở trong việc thiết kế. Căn cứ vào địa hình phức tạp này, người đã chọn cách thiết kế theo nhiều hình thức khác nhau. Thông qua sự thay đổi theo chiều dọc, sự phong phú về các cấp không gian, kiểm soát không gian mở và đóng, kiểm soát độ cao của địa hình trong khoảng từ 0,4 – 1,2m. Căn cứ vào đặc điểm của địa hình, người ta đã trồng các bụi hoa và các giống cây trồng loại nhỏ, như vậy sẽ đảm bảo yêu cầu che lấp không gian nhấp nhô ở hai bên đường.

Lựa chọn cây trồng. Trước hết phải lựa chọn những giống cây trồng mang tính đặc trưng của vùng đó, hoà hợp với các mùa trong năm, phối hợp với các loại hoa, màu lá và các giống cây trồng cơ bản, như vậy sẽ hình thành nên kết cấu ổn định của các cộng đồng thực vật. Đồng thời, trồng cây theo phương thức phân tầng, từng bước chuyển tiếp như: thảm cỏ – hoa – bụi cây – giống cây cao, to, hình thành nên sự so le, cao thấp với nhiều tầng lớp thực vật phong phú./.

Phù Hoà

Nguồn: T/C Xây dựng Đô thị & Nông thôn

Trung Quốc số 10/2010

ND: Bích Ngọc

CÔNG ĐOÀN CƠ QUAN BỘ XÂY DỰNG KỶ NIỆM 101 NĂM QUỐC TẾ PHỤ NỮ VÀ 1971 NĂM KHỞI NGHĨA HAI BÀ TRƯNG

Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2011



Thủ tướng Thường trực Bộ Xây dựng Cao Lại Quang phát biểu tại buổi Lễ



Thủ tướng Cao Lại Quang tặng hoa chúc mừng các đ/c lãnh đạo Công đoàn Cơ quan Bộ Xây dựng